

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÁP NƯỚC NGHỆ AN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

**CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM TÀI CHÍNH 2020**

Thời gian bắt đầu: 7h 00 phút ngày 29/3/2020

STT	Nội dung	Thời gian	Người thực hiện
1	Đón tiếp đại biểu, Đăng ký cổ đông tham dự cuộc họp, phát phiếu biểu quyết.	7h00 – 7h30	Đ/c Đặng Thị Vân Nam
2	Chương trình văn nghệ chào mừng	7h30 – 8h00	Đ/c Đặng Thị Vân Nam
3	Nghi thức cuộc họp: Chào cờ;	8h00 – 8h05	Đ/c Nguyễn Thành Đức
4	Khai mạc, giới thiệu đại biểu và các thành phần tham dự cuộc họp.	8h05 – 8h10	Đ/C Quý
5	Thông qua nội dung, chương trình cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2020	8h10 – 8h15	Đ/C Quý
6	Thông qua Ban thư ký, Ban kiểm phiếu, Ban kiểm tra tư cách cổ đông. - Ban kiểm tra tư cách cổ đông: Bà Đặng Thị Vân Nam (<i>trưởng ban</i>) ; Nguyễn Thị Hiền; Trần Thị Mỹ Thuận - Ban thư ký: Trần Thị Lan Anh (<i>trưởng ban</i>); Nguyễn Thành Đức - Ban kiểm phiếu biểu quyết và bầu cử: Ông Nguyễn Văn Hà (<i>trưởng ban</i>); Trịnh Văn Thắng; Nguyễn Thành Đức.	8h15 – 8h25	Đ/C Quý
7	Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự cuộc họp.	8h25 – 8h35	Đ/c Đặng Thị Vân Nam
8	Thông qua quy chế tổ chức cuộc họp; Thông qua nguyên tắc, thể lệ biểu quyết, bầu cử của cuộc họp	8h35 - 8h45	Đ/C Quý
9	Cuộc họp thảo luận và thông qua nội dung các báo cáo - Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2019, kế	8h45 – 9h45	Đ/C Quý

	hoạch SXKD năm 2020 - Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tóm tắt - Báo cáo của HĐQT về đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh của Công ty năm 2019 - Báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty của Hội đồng quản trị và của Tổng giám đốc năm 2019		
10	Giải lao	9h45 – 10h00	
11	Thông qua nội dung các Tờ trình: - Trình phê duyệt quyết toán lương, thù lao 2019 và dự toán lương, thù lao năm 2020 của HĐQT và Ban kiểm soát - Trình cuộc họp thông qua việc lựa chọn Đơn vị kiểm toán năm tài chính 2020. - Trình các mục tiêu chính của kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch đầu tư trong thời gian tới của Công ty. - Trình ĐHĐCĐ về việc phân chia lợi nhuận năm 2019.	10h00 – 10h50	Đ/C Quý
12	Đại diện lãnh đạo UBND tỉnh phát biểu ý kiến chỉ đạo tại cuộc họp	10h50 – 11h05	Đ/c Quý mời
13	Thông qua Biên bản và Nghị quyết cuộc họp	11h05 – 11h 20	Đ/c Đức
14	Bế mạc cuộc họp	11h20 – 11h25	Đ/c Quý
15	Chào cờ bế mạc	11h25 – 11h30	Đ/c Đức

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thay

“DỰ THẢO”

BÁO CÁO

**ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ KINH DOANH
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN
Năm tài chính thứ ba 1/1/2019 – 31/12/2019**

Trong năm tài chính thứ ba, Công ty có những thuận lợi và khó khăn như sau:

- Về thuận lợi: Công ty có bộ máy lãnh đạo điều hành và tập thể người lao động có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất và kinh doanh nước sạch; Thiết bị sản xuất nước sạch đã được đầu tư nâng công suất và đầu tư chiều sâu để tăng sản lượng và chất lượng sản phẩm; các nhà máy hoạt động ổn định; chất lượng nước đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định; Khách hàng có nhu cầu dùng nước sạch trên địa bàn các khu đô thị có xu hướng gia tăng.

- Về khó khăn:

+ Là năm chịu ảnh hưởng của thời tiết; Mưa bão nhiều làm cho chất lượng nước thô kém; nguồn điện cung cấp cho sản xuất không liên tục dẫn đến ảnh hưởng đến sản xuất; làm tăng chi phí sản xuất nước.

+ Hệ thống ống cấp nước của Công ty phần lớn đầu tư đã lâu năm nay đã xuống cấp, hư hỏng nhiều là một trong những nguyên nhân gây ra tình trạng thất thoát nước; Việc đầu tư nâng cấp đòi hỏi chi phí lớn.

+ Lực lượng lao động của Công ty vẫn còn dôi dư nhiều trong điều kiện chưa mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh để tạo thêm việc làm cho người lao động, chi phí lương và chế độ làm tăng giá thành nước.

+ Giá nước thô mua vào ở Nhà máy Hưng Vĩnh và Cầu Bạch với giá cao dẫn đến chi phí sản xuất cao (giá thành cao) nhưng giá bán nước sạch không được tăng để phù hợp với chi phí nước thô.

+ Công ty mới chuyển sang hoạt động với mô hình công ty cổ phần trong điều kiện người lao động đang quen với hoạt động của mô hình doanh nghiệp Nhà Nước, chưa quen với tư duy, quản lý của doanh nghiệp cổ phần hóa.

+ Địa bàn quản lý rộng, số lượng khách hàng phân tán trải rộng khắp trên toàn tỉnh, các trạm cấp nước ở các huyện cách quá xa Công ty; Ý thức về quản lý bảo vệ nguồn nước, hệ thống cấp nước của người dân còn nhiều hạn chế;

+ Giá cả nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, chi phí trả cho nguồn nước thô và chi phí cho công tác đầu nổi phát triển khách hàng, thay thế đồng hồ miễn phí rất lớn, là một trong những khó khăn lớn cho hoạt động của Công ty;

- Với những khó khăn, thuận lợi như trên; trong năm tài chính vừa qua được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của UBND và các ban ngành cấp tỉnh đã hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty trong quá trình tổ chức sản xuất kinh doanh; với sự đoàn kết, thống nhất cao trong Hội đồng quản trị; Ban Tổng giám đốc; các cán bộ chủ chốt và tập thể người lao động của Công ty chúng ta đã từng bước khắc phục khó khăn tổ chức sản xuất kinh doanh đạt được kết quả tương đối tốt trong điều kiện không thuận lợi về thời

tiết, thị trường, công ty mới chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần còn nhiều mới mẻ; Đảm bảo thu nhập và đời sống ổn định cho người lao động, hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà Nước. Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng của công tác quản lý Công ty trong năm 2019 như sau:

A- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.

I- Những công việc đã thực hiện.

- Đã tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba năm 2019; Sau cuộc họp, HĐQT đã triển khai thực hiện:

+ Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp lần thứ ba năm 2019.

+ Hàng tháng HĐQT tổ chức họp thường kỳ để nghe và phê duyệt nội dung Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch SXKD trong tháng qua và thông qua KHSX kinh doanh trong tháng tới; khi có yêu cầu về công việc thuộc thẩm quyền quyết định, HĐQT họp đột xuất để giải quyết kịp thời. Trong năm HĐQT đã tổ chức họp 12 cuộc họp định kỳ và 11 cuộc họp đột xuất. Các cuộc họp được triệu tập đúng với quy định của điều lệ; có sự tham gia dự họp của Ban kiểm soát đầy đủ

+ Các thành viên HĐQT và Trưởng BKS tham dự các cuộc họp HĐQT đầy đủ, tham gia nhiều ý kiến chất lượng .

+ Trong năm 2019 HĐQT đã phê duyệt và chỉ đạo thực hiện các nội dung chính sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2018-NQ-HĐQT	12/01/2019	- Phê duyệt nội dung Phương án chi tiền lương tháng 12/2018, tiền lương tháng 13/2018; Các chi phí trong dịp tết nguyên đán 2019. - Phê duyệt Kế hoạch tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2019. - Thống nhất ngày chốt đánh sách cổ đông phục vụ cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2019.
2	02/2019-NQ-HĐQT	15/01/2019	Thống nhất chi bổ sung tiền lương tháng 13/2018 cho các chức danh quản lý Công ty.
3	03/2019-NQ-HĐQT	20/02/2019	- Phê duyệt nội dung các báo cáo và các nội dung cần thiết chuẩn bị cho cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.
4	04/2019-NQ-HĐQT	28/02/2019	Phê duyệt Phương án đi du lịch tâm linh đầu năm 2019 của Tổng Giám đốc.
5	05/2019-NQ-HĐQT	05/03/2019	Thống nhất đề nghị UBND tỉnh cử người đại diện phần vốn Nhà Nước để bầu làm thành viên HĐQT

			và BKS; Giới thiệu người đề bầu vào HĐQT và BKS tại cuộc họp thường niên 2019.
6	06/2019-NQ-HĐQT	07/03/2019	Bầu Chủ tịch HĐQT và Phó chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2017 – 2018 sau khi bầu lại thành viên HĐQT tại cuộc họp thường niên 2019.
7	07/2019-NQ-HĐQT	07/03/2019	<ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt nội dung các tờ trình của Tổng giám đốc về Phương án dự phòng cấp nước ổn định cho Thành phố Vinh và vùng phụ cận; Giải pháp giảm thất thoát nước bằng cách phân vùng, tách mạng, thành lập các vùng phục vụ DMA và phương án lắp thêm máy bơm cấp 1 ở trạm Cầu Mượu. - Cử bà Võ Thị Thìn làm Người phụ trách quản trị Công ty. - Quyết định dừng sản xuất nước tinh lọc cung cấp ra thị trường, giao phòng Tổ chức-Hành chính quản lý và tổ chức sản xuất để phục vụ nhu cầu của Công ty. - Phê duyệt Đề án sản xuất và cung cấp nước sạch trên địa bàn thành phố Vinh và vùng phụ cận của Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An.
08	08A/2019-NQ-HĐQT	18/3/2019	Chọn nhà cung cấp thiết bị và giá cả hợp đồng
09	08B/2019-NQ-HĐQT	06/04/2019	- Xử lý tiền trợ cấp cho người lao động đã nghỉ việc nhưng chưa được giải quyết chế độ do còn vướng mắc công nợ cá nhân.
10	09/2019-NQ-HĐQT	23/04/2019	Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh quản lý Công ty; Phê duyệt bộ quy chế hoạt động của Công ty (bao gồm: Quy chế làm việc; Quy chế tài chính; Quy chế hoạt động của HĐQT; Quy chế quản trị nội bộ Công ty)
11	10/2019-NQ-HĐQT	25/5/2019	<p>-Thông qua nội dung các tờ trình của Tổng giám đốc:</p> <p>+ Phương án giải quyết một số vướng mắc trong quan hệ mua bán nước thô với Công ty TNHH MTV cấp nước Sông Lam.</p> <p>+Hỗ trợ một số khối trường, xóm trường nhằm mục đích để họ hỗ trợ Công ty trong quá trình</p>

			<p>cung cấp nước cho dân.</p> <p>+ Phê duyệt chủ trương lập dự án đầu tư mở rộng và nâng công suất cấp nước cho thành phố Vinh và vùng phụ cận.</p> <p>- Thống nhất chủ trương cử đoàn cán bộ quản lý và nhân viên kỹ thuật đi tham quan, học tập kinh nghiệm tại các công ty cấp nước có công nghệ và thiết bị phù hợp với dự án nâng công suất của Công ty.</p>
12	10 A/2019-NQ-HĐQT	02/6/2019	<p>Điều chỉnh nội dung chủ trương cải tạo nâng công suất nhà máy nước Hưng Nguyên và xây dựng tuyến ống cấp nước DN500 cung cấp nước cho các khu công nghiệp tại Biên bản họp HĐQT số 13/BB-CTCPCNNA-HĐQT, ngày 09/11/2018 .Nội dung điều chỉnh: Công suất nâng từ 5.000 m³/ngày đêm lên 20.000 m³/ngày đêm; Nâng đường kính tuyến ống từ DN300 lên DN1000.</p>
13	11/2019-NQ-HĐQT	12/6/2019	<p>- Miễn nhiệm chức danh Trạm trưởng Trạm cấp nước Tân Kỳ đối với ông Trần Sỹ Khoa.</p> <p>- Bỏ nhiệm ông Trương Văn Hùng làm Trạm trưởng trạm cấp nước Tân Kỳ</p>
14	12/2019-NQ-HĐQT	29/6/2019	<p>- Miễn nhiệm chức danh Trạm trưởng Trạm cấp nước Quỳnh Hợp đối với ông Nguyễn Phi Hùng.</p> <p>- Giao bà Lê Thị Thu quyền phụ trách, quản lý và điều hành Trạm cấp nước Quỳnh Hợp.</p>
15	13/2019-NQ-HĐQT	15/7/2019	<p>- Chủ trương xây dựng hệ thống cung cấp nước thô cho nhà máy nước Hưng Vĩnh và Cầu Bạch, công suất 275.000 m³/ngày đêm.</p> <p>- Nhất trí thưởng cho những người tham gia thi công tuyến ống DN500 dọc đường Phan Bội Châu với mức 50 triệu đồng nếu hoàn thành công trình trước 16/7/2019.</p>
16	14/2019-NQ-HĐQT	17/7/2019	<p>- Nhất trí thay đổi thời gian khấu hao của một số tài sản cố định tính từ thời điểm 01/01/2019 để sớm thu hồi vốn.</p> <p>- Đồng ý trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản nợ đã quá hạn thanh toán hoặc</p>

			khó có khả năng thu hồi tính đến thời điểm 30/6/2019.
17	14B/2019-NQ-HĐQT	01/8/2019	- Quyết định chọn đơn vị tư vấn và giá trị để ký hợp đồng tư vấn lập hồ sơ dự án và thiết kế bản vẽ thi công, dự toán Dự án cải tạo, nâng công suất, thay đổi công nghệ ở nhà máy nước Hưng Vĩnh.
18	15/2019-NQ-HĐQT	23/8/2019	- Đồng ý hỗ trợ cho người lao động của Công ty đi tham quan, tắm biển Cửa Lò năm 2019.
19	16/2019-NQ-HĐQT	31/8/2019	- Nhất trí chi thường ngày lễ Quốc khánh 2/9 cho người lao động đang làm việc trong Công ty là 200.000 đ/người.
20	16B/2019-NQ-HĐQT	03/9/2019	- Phê duyệt Dự án cải tạo, nâng công suất, thay đổi công nghệ ở nhà máy nước Hưng Vĩnh
21	17B/2019-NQ-HĐQT	01/10/2019	- Phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và kế hoạch lựa chọn đơn vị thực hiện gói thầu sửa chữa, cải tạo và hoàn thiện hệ thống lắng
22	18/2019-NQ-HĐQT	15/10/2019	- Thay đổi giờ làm việc của bộ phận làm việc theo giờ hành chính.
23	19/2019-NQ-HĐQT	19/10/2019	- Đồng ý đề xuất phương án cải tạo, nâng cấp nhà máy nước Nam Đàn. - Đồng ý đề xuất phương án cải tạo, nâng cấp nhà máy nước Hưng Vĩnh. - Đồng ý thông qua dự thảo phương án điều chỉnh kế hoạch tiền lương 6 tháng cuối năm 2019.
24	20/2019-NQ-HĐQT	19/11/2019	- Nhất trí chọn đơn vị thực hiện và giá trị hợp đồng để ký hợp đồng kinh tế thực hiện gói thầu “Sửa chữa, cải tạo và hoàn thiện hệ thống lắng”. - Thống nhất quy định về nghiệm thu, quản lý và vận hành các DMA.
25	21//2019-NQ-HĐQT	16/12/2019	- Phê duyệt nội dung phương án tổ chức liên hoan mừng năm mới 2020 và kỷ niệm 62 năm thành lập Công ty.
26	01/QĐ- HĐQT	28/02/2019	Quyết định phê duyệt Phương án đi du lịch tâm linh đầu năm 2019
27	02/QĐ- HĐQT	08/3/2019	Quyết định về việc cử người phụ trách quản trị Công ty
28	04/QĐ- HĐQT	08/3/2019	Quyết định về việc ngừng sản xuất nước tinh lọc

29	03/QĐ- HĐQT	08/3/2019	Quyết định về việc phê duyệt nội dung các tờ trình của Tổng giám đốc công ty.
30	05/QĐ- ĐHĐCĐ	08/3/2019	Quyết định về việc miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT và T.viên BKS nhiệm kỳ 2017 – 2021
31	06/QĐ- HĐQT	18/3/2019	Quyết định về việc chọn nhà cung cấp thiết bị và giá cả hợp đồng.
32	05/QĐ- HĐQT	18/3/2019	- Về việc phê duyệt đề án sản xuất và cung cấp nước sạch trên địa bàn thành phố Vinh và vùng phụ cận, giai đoạn 2019 – 2025 của Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An
33	08/QĐ- CTCN. TC	23/4/2019	Quyết định miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng kế toán Công ty.
34	10/QĐ- CTCN.TC	23/4/2019	Quyết định bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng kế toán Công ty.
35	11/QĐ- CTCN.TC	23/4/2019	Quyết định miễn nhiệm chức danh trưởng phòng Tổ chức – Hành chính Công ty
36	09/QĐ- CTCN.TC	23/4/2019	Quyết định bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng tổ chức – Hành chính công ty.
37	07/QĐ- CTCN.TC	23/4/2019	Quyết định về việc ban hành các quy chế quản lý nội bộ Công ty
38	12/QĐ- HĐQT	23/4/2019	Quyết định về việc ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT (<i>Sửa đổi lần thứ nhất</i>)
39	13/QĐ- HĐQT	23/4/2019	Quyết định về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (<i>Sửa đổi lần thứ nhất</i>)
40	17/QĐ- HĐQT	25/5/2019	Quyết định về việc thành lập Tổ xây dựng dự án đầu tư mở rộng và nâng công suất cấp nước thành phố Vinh và vùng phụ cận.
41	15/QĐ- HĐQT	25/5/2019	Quyết định thành lập Tổ đàm phán để ký hợp đồng mua bán nước thô.
42	16/QĐ- HĐQT	25/5/2019	Quyết định phê duyệt nội dung các tờ trình của Tổng giám đốc Công ty.
43	14/QĐ- HĐQT	25/5/2019	Quyết định về việc chọn Công ty luật để ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý.

44	14A/QĐ- HĐQT	2/6/2019	Quyết định điều chỉnh nội dung chủ trương cải tạo nâng công suất nhà máy nước Hưng Nguyên và xây dựng tuyến ống cấp nước DN1.000 cung cấp nước cho các khu công nghiệp. Nội dung điều chỉnh: Công suất nâng từ 5.000 m ³ /ngày đêm lên 20.000 m ³ /ngày đêm; Nâng đường kính tuyến ống từ DN300 lên DN1000.
45	18/QĐ- HĐQT	12/6/2019	Quyết định bổ nhiệm chức danh Trạm trưởng Trạm cấp nước Tân Kỳ
46	19/QĐ- HĐQT	13/6/2019	Quyết định miễn nhiệm chức danh Trạm trưởng Trạm cấp nước Tân Kỳ
47	20/QĐ- HĐQT	29/6/2019	Quyết định miễn nhiệm chức danh Trạm trưởng Trạm cấp nước Quỳnh Hợp.
48	114/QĐ- HĐQT	29/6/2019	Quyết định về việc giao quyền phụ trách, quản lý, điều hành Trạm cấp nước Quỳnh Hợp.
49	22/QĐ-HĐQT	17/7/2019	Về việc thay đổi thời gian khấu hao tài sản cố định và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.
50	22A/QĐ-HĐQT	01/8/2018	Về việc chọn đơn vị tư vấn và giá trị để ký hợp đồng tư vấn lập hồ sơ dự án và thiết kế bản vẽ thi công; dự toán Dự án cải tạo, nâng công suất, thay đổi công nghệ ở Nhà máy nước Hưng Vĩnh.
51	23/QĐ-HĐQT	23/8/2019	Về việc hỗ trợ cho người lao động của Công ty đi tham quan tắm biển Cửa Lò.
52	23A/QĐ-HĐQT	03/9/2019	Về việc phê duyệt Dự án cải tạo, nâng công suất, thay đổi công nghệ ở Nhà máy nước Hưng Vĩnh
53	23B/QĐ-HĐQT	01/10/2019	Về việc phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và kế hoạch lựa chọn đơn vị thực hiện gói thầu “sửa chữa, cải tạo và hoàn thiện hệ thống lắng”
54	24/QĐ-HĐQT	15/10/2019	Về việc thay đổi giờ làm việc của bộ phận làm việc theo giờ hành chính.
55	25/QĐ-HĐQT	20/10/2019	Về việc phê duyệt phương án cải tạo, nâng công suất nhà máy nước Hưng Vĩnh
56	26/QĐ-HĐQT	20/10/2019	Về việc phê duyệt phương án cải tạo, nâng công suất nhà máy nước Nam Đàn
57	27/QĐ-HĐQT	20/10/2019	Phê duyệt phương án điều chỉnh kế hoạch tiền

			lương 6 tháng cuối năm 2019.
58	28/QĐ-HĐQT	15/11/2019	Phê duyệt nội dung quy định về công tác nghiệm thu, quản lý và vận hành các DMA.
59	29/QĐ-HĐQT	19/11/2019	Về việc chọn đơn vị thực hiện và giá trị để ký hợp đồng kinh tế thực hiện gói thầu “Sửa chữa, cải tạo và hoàn thiện hệ thống lắng”
60	30/QĐ-HĐQT	16/12/2019	Về việc phê duyệt nội dung Phương án tổ chức liên hoan chào mừng năm mới 2020 và Kỷ niệm 62 năm thành lập Công ty

Ngoài ra HĐQT còn quyết định các nội dung khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

II- Thực hiện các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh của Đại hội đồng cổ đông.

TT	Chỉ tiêu	Đ/ vị tính	Năm 2019		Tỷ lệ % (TH/KH)
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	25.112.700	25.738.144	102,49
2	Lắp đặt phát triển khách hàng mới	Hộ	6.281	5.507	87,68
3	Cải tạo, thay thế, nâng hạ đồng hồ	Hộ		5.436	100,00
4	Lắp đặt mới, bổ sung mạng đường ống cấp 1,2	m	3.830	3.725	97,25
5	Hoàn thành lắp đặt DMA	DMA	9	7	77,78
6	Tổng doanh thu	tr.đồng	244.144,481	259.012,700	106,09
6.1	<i>Doanh thu nước sạch</i>	tr.đồng	242.144,481	248.532,963	102,64
6.2	<i>Doanh thu khác</i>	tr.đồng	2.000,000	10.479,737	523,99
7	Tổng chi phí	tr.đồng	243.501,790	258.206,687	106,04
8	Lợi nhuận trước thuế	tr.đồng	642,691	806,013	125,41
9	Lợi nhuận sau thuế	tr.đồng	514,153	768,711	149,51
10	Nộp ngân sách	tr.đồng	13.755	13.336	96,95
11	Trả nợ vay	tr.đồng	40.936	40.936	100,00
12	Lãi tức cơ bản tính cho 1 cổ phần	đồng	13,75	20,56	149,51

III- Đánh giá quá trình thực hiện nhiệm vụ của HĐQT.

1-Uu điểm:

- HĐQT hoạt động ổn định, các cuộc họp được tiến hành nghiêm túc về mặt thời gian và nội dung; các thành viên HĐQT tham dự đầy đủ, chất lượng các cuộc họp đảm bảo, đã bàn và quyết định, lãnh đạo thực hiện các vấn đề có tầm chiến lược của Công ty.

- Đã lãnh đạo toàn diện các hoạt động của Công ty, quyết định kịp thời các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Các thành viên HĐQT đã nêu cao tinh thần trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Về cơ bản các thành viên HĐQT đều thực hiện nhiệm vụ trên cơ sở luật và điều lệ Công ty quy định, có thái độ nghiêm túc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Trong quá trình quản lý, giám sát quản lý của Ban Tổng giám đốc, HĐQT đã lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể; đã kịp thời bổ sung, điều chỉnh một số nội dung công tác quản lý điều hành để tăng tính hiệu quả của công tác quản lý. Giải quyết nhanh các đề xuất của Ban Tổng giám đốc để triển khai thực hiện kịp thời.

- Công tác giám sát hoạt động của Ban tổng giám đốc đã được thực hiện tương đối tốt. Thông qua các kênh thông tin, HĐQT đã sớm nắm bắt, điều chỉnh các hoạt động của Bộ máy điều hành Công ty theo hướng có hiệu quả.

- Hai trong số ba thành viên HĐQT hoạt động kiêm nhiệm, do vậy việc gắn trách nhiệm của các thành viên HĐQT với chức năng quản lý chuyên môn chặt chẽ hơn.

2- Tồn tại:

- Do các thành viên kiêm nhiệm nhiều việc nên phạm vi giám sát chưa được rộng, toàn diện, mới chủ yếu giám sát công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh ở bộ phận quản lý chủ chốt, chưa đến cụ thể tổ đội sản xuất.

- Thực hiện nhiệm vụ giám sát, Chỉ đạo điều hành của HĐQT đối với bộ máy điều hành chưa thực sự quyết liệt.

B- BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH – QUẢN LÝ CÔNG TY.

Bộ máy điều hành quản lý Công ty thuộc thẩm quyền HĐQT ra quyết định gồm 21 người, Trong đó: Ban tổng giám đốc 04 người; Trưởng phòng và trưởng các đơn vị 16 người (*Phòng kế hoạch do Trợ lý Tổng giám đốc kiêm*). Trong quá trình điều hành hoạt động Công ty, cơ bản đã bám vào nội dung của Luật doanh nghiệp; điều lệ; Quy chế công ty và nghị quyết của HĐQT để thực hiện.

I-Những việc chính đã thực hiện.

- Các cuộc họp giao ban định kỳ được tổ chức đều, nội dung các cuộc họp được chuẩn bị trước chu đáo, đã có cải tiến nội dung các cuộc họp giao ban theo hướng cụ thể hơn, gắn được trách nhiệm của người quản lý với công việc được giao.

- Đã sắp xếp lại lực lượng lao động của công ty trên cơ sở kế hoạch lao động- tiền lương và BHXH năm 2019 đã được HĐQT phê duyệt.

- Đã triển khai, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019, phấn đấu để hoàn thành các chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông giao.

- Ban hành và đưa vào áp dụng các chế tài trong quản lý có hiệu quả.

- Đã xử lý các khiếu nại của khách hàng, các tình huống phát sinh về chất lượng nước sản xuất, ô nhiễm nguồn nước thô cho sản xuất.v.v...

- Đã triển khai đầu tư xây dựng một số hạng mục công trình tại một số nhà máy để cải thiện chất lượng nước sạch.

- Đã xây dựng và trình HĐQT phê duyệt và đưa vào áp dụng Kế hoạch SXKD năm 2020 của Công ty.

Ngoài ra Ban tổng giám đốc đã tổ chức, chỉ đạo thực hiện các nội dung công việc khác thuộc thẩm quyền được HĐQT giao.

2- Ưu điểm:

- Trong quá trình quản lý, điều hành cơ bản đã bám vào các nội dung được quy định trong điều lệ và quy chế Công ty; nội dung các vấn đề đã được HĐQT và các cuộc

giao ban điều hành thông qua, đã có nhiều chuyển biến tích cực trong công tác điều hành theo hướng sâu sát, cụ thể hơn; giải quyết các nội dung công việc nhanh hơn, hiệu quả hơn so với trước.

- Ban hành và đưa vào áp dụng các chế tài trong quản lý có hiệu quả.
- Bám sát nhiệm vụ được giao, có nhiều cố gắng trong thực hiện nhiệm vụ.
- gương mẫu trong việc thực hiện Điều lệ và Quy chế của Công ty, tổ chức giao ban thường kỳ đều đặn và chất lượng tương đối tốt.
- Công tác chỉ đạo điều hành cụ thể hơn, sâu sát hơn so với trước đây.
- Tạo điều kiện tốt cho hoạt động của các tổ chức chính trị của Công ty.

3- Tồn tại.

- Một số công việc chưa gắn được trách nhiệm của người được giao nhiệm vụ với việc thực hiện công việc được giao.
- Công tác tham mưu của một số phòng, đơn vị chưa kịp thời; Việc giải quyết một số công việc thuộc phạm trù chức năng còn chậm, chưa dứt điểm, sự phối kết hợp giữa các bộ phận trong giải quyết công việc chưa cao.
- Việc giải quyết các yêu cầu của người dân trong việc khắc phục các sự cố còn có tình trạng chưa kịp thời, để người dân kêu ca phàn nàn.
- Việc quản lý chống thất thoát trong quản lý về tổn thất nước, vật tư, sản phẩm chưa triệt để.

C- CÁC MỤC TIÊU KẾ HOẠCH THỰC HIỆN TRONG NĂM 2020.

- 1- Sản lượng nước tiêu thụ toàn Công ty: 26.216.170 m³.
- 2- Doanh thu toàn Công ty: 262.751.826.000 đồng. Trong đó:
 - + Doanh thu nước sạch 259.251.826.000 đồng.
 - + Doanh thu khác 3.500.000.000 đồng.
- 3- Chống thất thoát: Hoàn thành lắp đặt và đưa vào sử dụng (đã bàn giao cho nhân viên DMA) 12 khu vực phục vụ (DMA), với tỷ lệ thất thoát ở mỗi DMA là dưới 24%;
- 4- Lắp đặt mới mạng đường ống cấp 1 và cấp 2 (không bao gồm các tuyến đường ống nước thô): 6.090 m.
- 5- Thay đổi công nghệ, nâng công suất Nhà máy nước Hưng Vĩnh, Hưng Nguyên và Nam Đàn.
- 6- Cải tạo, xây dựng khu vực trụ sở làm việc Công ty và Nhà máy nước Hưng Vĩnh.
- 7- Xây dựng hệ thống cung cấp nước thô từ Sông Lam cho Trạm cấp nước Hưng Nguyên và nhà máy nước sạch các xã trên địa bàn huyện Hưng Nguyên (vị trí trạm bơm tại xã Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên).
- 8- Xây dựng trạm bơm cung cấp nước thô từ Sông Lam cho Trạm cấp nước Nam Đàn; từ Sông Con cho Trạm cấp nước Tân Kỳ.
- 9- Xây dựng hệ thống cung cấp nước thô cho nhà máy nước Hưng Vĩnh và Cầu Bạch từ sông Lam (vị trí trạm bơm tại xã Xã Hùng Tiến, huyện Nam Đàn);
- 10- Hoàn thành 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- 11- Hoàn thành và đưa vào sử dụng phòng hóa nghiệm đạt tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2007 (lắp đặt tại Nhà máy nước Hưng Vĩnh).
- 12- Hoàn thành và đưa vào sử dụng hệ thống cảnh báo và tự động điều khiển theo yêu cầu công nghệ trong sản xuất nước sạch ở Nhà máy nước Hưng Vĩnh, Cầu Bạch và Hưng Nguyên.

13- Hoàn thành và đưa vào sử dụng các phần mềm: Phần mềm quản lý ghi, thu và khách hàng; phần mềm tổng đài tiếp nhận và xử lý thông tin; phần mềm lắp đặt mới và xử lý sự cố.

14- Hoàn thành và đưa vào sử dụng 12 Datalogger ở 12 DMA để phân tích khối lượng nước sử dụng và đưa ra cảnh báo khả năng xảy ra điểm chảy.

15- Hoàn thành hồ sơ dự án thay đổi nguồn nước và công nghệ ở Trạm cấp nước huyện Anh Sơn.

D- CÁC PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ TRÌNH ĐHĐCĐ PHÊ DUYỆT.

I. ĐẦU TƯ CUNG CẤP NƯỚC SẠCH CHO TP.VINH VÀ VÙNG PHỤ CẬN.

1. Thay đổi công nghệ, nâng công suất Nhà máy nước Hưng Vĩnh và Cầu Bạch.

1.1. Nhà máy nước Hưng Vĩnh

- Thực hiện cải tạo, hoàn thiện hệ thống lắng (*sử dụng thiết bị lắng lamella*).
- Thực hiện cải tạo, nâng cấp 6 bể lọc ở hiện có phù hợp với công suất hệ thống lắng 60.000 m³/ngày đêm.
- Thực hiện một số công trình phụ trợ kèm theo phù hợp công suất hệ thống lắng, lọc (*bao gồm: hệ thống cung cấp hóa chất; hệ thống tự động hóa điều khiển công nghệ và kiểm soát chất lượng ...*)
- Tổng vốn đầu tư: 25,5 tỷ đồng
- Nguồn vốn: Vốn tự có.

1.2. Nhà máy nước Cầu Bạch.

- Cải tạo, nâng công suất hồ sơ lắng và trạm bơm cấp 1 để cung cấp nước thô cho Nhà máy nước Cầu Bạch và Hưng Vĩnh, công suất 170.000 m³/ngày đêm (*trong đó, Nhà máy Hưng Vĩnh, công suất 96.000 m³/ngày đêm; Nhà máy Cầu Bạch, công suất 70.000 m³/ngày đêm*). Thời gian thực hiện: sau năm 2020.
- Thực hiện cải tạo, nâng công suất xử lý nước (*sử dụng công nghệ Mỹ, thiết bị lắng lamella*) từ công suất 20.000m³/ngày đêm lên 30.000m³/ngày đêm.
- Xây mới cụm xử lý nước (*sử dụng công nghệ Mỹ, thiết bị lắng lamella*), công suất 40.000 m³/ngày đêm. Thời gian thực hiện: sau năm 2020.
- Tổng vốn đầu tư: 75,5 tỷ đồng (*trong đó, xây mới cụm xử lý nước 50,0 tỷ đồng; cải tạo, nâng công suất hồ sơ lắng 15 tỷ đồng*)
- Nguồn vốn: Vốn tự 50%; vốn vay 50%.
- Thời gian thực hiện: Từ năm 2020 và 2022

2. Xây dựng hệ thống cung cấp nước thô cho Nhà máy nước Hưng Vĩnh và Cầu Bạch từ Sông Lam, công suất 275.000 m³/ngày đêm.

- Địa điểm xây dựng trạm bơm: xã Hùng Tiến huyện Nam Đàn.
- Công suất trạm bơm 275.000 m³/ngày đêm; chiều dài tuyến ống 12.200 m.
- Tổng mức đầu tư: 187,500 tỷ đồng

- Nguồn vốn: Vốn tự có 50%; vốn vay 50%.

3. Đầu tư mạng đường ống cấp nước sạch.

3.1. Kế hoạch xây lắp các DMA.

- Số lượng DMA hoàn thành đưa vào sử dụng: 12 DMA.
- Tổng vốn đầu tư: 18,92 tỷ đồng
- Nguồn vốn: Vốn tự có.

3.2. Lắp đặt mới mạng đường ống cấp 1 và cấp 2.

- Chiều dài mạng đường ống (không bao gồm đường ống nước thô): 6.090 mét
- Tổng vốn đầu tư: 32,77 tỷ đồng
- Nguồn vốn: Vốn tự có.

II. ĐẦU TƯ CUNG CẤP NƯỚC SẠCH CHO CÁC HUYỆN

1. Trạm cấp nước Nam Đàn.

- Xây dựng trạm bơm cung cấp nước thô từ Sông Lam cho Trạm cấp nước Nam Đàn, với các nội dung cơ bản:

+ Địa điểm xây dựng trạm bơm: Thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn (cạnh vị trí trạm bơm cũ).

+ Công suất trạm bơm 15.000 m³/ngày đêm.

- Thực hiện cải tạo, nâng công suất hệ thống lắng (sử dụng thiết bị lắng lamella) từ công suất 2.000m³/ngày đêm lên 5.000m³/ngày đêm.

- Thực hiện một số công trình phụ trợ kèm theo.

- Tổng vốn đầu tư: 8,0 tỷ đồng

- Địa bàn phục vụ: 17 xã/thị trấn thuộc huyện Nam Đàn (2 xã còn lại sử dụng nguồn nước sạch từ Nhà máy nước sạch Cầu Bạch)

- Nguồn vốn: Vốn tự có.

2. Trạm cấp nước Tương Dương

- Xây dựng hệ thống cung cấp nước thô từ hồ thủy điện Khe Bô cho Trạm cấp nước Tương Dương, với các nội dung cơ bản:

+ Địa điểm xây dựng trạm bơm: thị trấn Tương Dương, huyện Tương Dương.

+ Công suất trạm bơm 10.000 m³/ngày đêm.

- Thực hiện cải tạo, nâng công suất xử lý nước (sử dụng thiết bị lắng lamella) từ công suất 800m³/ngày đêm lên 5.000m³/ngày đêm.

- Tổng vốn đầu tư: 7,5 tỷ đồng (trong đó, chi phí đầu tư xây dựng hệ thống cung cấp nước thô 3,5 tỷ đồng)

- Địa bàn phục vụ: toàn bộ 17 xã, thị trấn trên địa bàn huyện Tương Dương

- Nguồn vốn: Vốn tự có.

Ghi chú: Hiện tại Trạm cấp nước Tương Dương đang sử dụng nước Khe Chi xã Thạch Giám để làm nguồn nước thô sản xuất nước sạch.

3. Trạm cấp nước Hưng Nguyên

- Thực hiện xây dựng hệ thống cung cấp nước thô từ sông Lam cho Trạm cấp nước Hưng Nguyên và Nhà máy nước sạch các xã trên địa bàn huyện Hưng Nguyên, với các nội dung cơ bản:

+ Địa điểm xây dựng trạm bơm: xã Hưng Lĩnh huyện Hưng Nguyên.

+ Công suất trạm bơm 30.000 m³/ngày đêm; chiều dài tuyến ống 8.500 m.

- Thực hiện cải tạo, nâng công suất xử lý nước (*sử dụng thiết bị lắng lamella*) từ công suất 5.000m³/ngày đêm lên 20.000m³/ngày đêm.

- Thực hiện một số công trình phụ trợ kèm theo, đạt công suất 20.000 m³/ngày đêm (*hệ thống cung cấp hóa chất; hệ thống tự động hóa điều khiển công nghệ và kiểm soát chất lượng ...*)

- Tổng vốn đầu tư: 90,0 tỷ đồng (*trong đó, đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước thô từ Sông Lam 79,863 tỷ đồng*)

- Địa bàn phục vụ: toàn bộ 23 xã, thị trấn trên địa bàn huyện Hưng Nguyên (*bao gồm cả khu công nghiệp VSIP Nghệ An*)

- Nguồn vốn: Vốn tự có 50%; vốn vay 50%.

4. Trạm cấp nước Anh Sơn

- Xây dựng trạm bơm cung cấp nước thô từ Sông Lam cho Trạm cấp nước Anh Sơn, với các nội dung cơ bản:

+ Địa điểm xây dựng trạm bơm: thị trấn Anh Sơn, huyện Anh Sơn.

+ Công suất trạm bơm 10.000 m³/ngày đêm.

- Thực hiện cải tạo, nâng công suất xử lý nước (*sử dụng thiết bị lắng lamella*) từ công suất 600m³/ngày đêm lên 5.000m³/ngày đêm.

- Tổng vốn đầu tư: 8,5 tỷ đồng (*trong đó, chi phí đầu tư xây dựng hệ thống cung cấp nước thô 4,5 tỷ đồng*)

- Địa bàn phục vụ: toàn bộ 21 xã, thị trấn trên địa bàn huyện Anh Sơn

- Nguồn vốn: Vốn tự có.

Ghi chú: Hiện tại Trạm cấp nước Anh Sơn đang sử dụng nước ngầm để làm nguồn nước thô sản xuất nước sạch.

5. Trạm cấp nước Quỳnh Hợp

- Xây dựng trạm bơm cung cấp nước thô từ suối Nậm Chóng cho Trạm cấp nước Quỳnh Hợp, với các nội dung cơ bản:

+ Địa điểm xây dựng trạm bơm: bên bờ suối Nậm Chóng (*một nhánh của sông Dinh thuộc xã Châu Đình, huyện Quỳnh Hợp, cách vị trí nhập nguồn sông Dinh khoảng 200m về phía thượng lưu*).

- + Công suất trạm bơm 10.000 m³/ngày đêm; chiều dài tuyến ống 2.400 m
- Thực hiện cải tạo, nâng công suất xử lý nước (*sử dụng thiết bị lắng lamella*) từ công suất 1.500m³/ngày đêm lên 5.000m³/ngày đêm.
- Tổng vốn đầu tư: 14,5 tỷ đồng (*trong đó, chi phí đầu tư xây dựng hệ thống cung cấp nước thô 10,5 tỷ đồng*)
- Địa bàn phục vụ: toàn bộ 21 xã, thị trấn trên địa bàn huyện Quỳnh Hợp
- Nguồn vốn: Vốn tự có và vốn do các doanh nghiệp khai thác khoáng sản gây ô nhiễm nguồn nước chi trả.

Ghi chú: Hiện tại Trạm cấp nước Quỳnh Hợp đang sử dụng nước suối Nậm Huống để làm nguồn nước thô sản xuất nước sạch. Sở Tài nguyên và môi trường đã có văn bản khuyến cáo nguồn nước này nhiễm kim loại nặng (nguyên nhân là do các doanh nghiệp khai thác khoáng sản gây ra)

III. ĐẦU TƯ MỘT SỐ CÔNG TRÌNH KHÁC

1. Cải tạo trụ sở làm việc Văn phòng Công ty

- Các hạng mục công trình: Cải tạo, xây mới trụ sở làm việc và các công trình phụ trợ khu vực Văn phòng Công ty.
- Tổng vốn đầu tư: 8,6 tỷ đồng
- Nguồn vốn: Vốn tự có.

2. Cải tạo trụ sở làm việc Nhà máy nước Hưng Vĩnh

- Các hạng mục công trình: Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc cấp 4 và nhà làm việc 2 tầng hiện có; xây mới nhà xưởng cơ khí, hàng rào bảo vệ và các hạng mục phụ trợ khác.
- Tổng vốn đầu tư: 4,2 tỷ đồng
- Nguồn vốn: Vốn tự có.

Trên đây là những nội dung chính thực trạng công tác quản lý kinh doanh của công ty thực hiện trong năm 2019. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020; Phương án đầu tư ngắn hạn và trung hạn của Công ty. Kính đề nghị các thành viên quản lý; các vị cổ đông của Công ty tham gia góp ý kiến thêm để đánh giá đúng thực trạng của hoạt động của HĐQT và bộ máy điều hành quản lý Công ty trong thời gian qua, trên cơ sở đó để có những bước cải tiến, khắc phục nhằm đưa hoạt động của Công ty ngày càng có hiệu quả cao hơn, đồng thời phê duyệt các nội dung kế hoạch năm 2020, Phương án đầu tư ngắn hạn và trung hạn của Công ty để HĐQT, Ban tổng giám đốc triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Các thành viên HĐQT;
- Các thành viên BKS;
- Các vị cổ đông của Công ty;
- Lưu Thư ký HĐQT; TC-HC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Bá Quý

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

Số: /BC-CTCN
(Dự thảo)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nghệ An, ngày 10 tháng 3 năm 2020

**BÁO CÁO
TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019 VÀ
PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2020**

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2019

1. Những thuận lợi, khó khăn

a. Thuận lợi:

- Công ty có bộ máy lãnh đạo điều hành kinh nghiệm và tập thể người lao động nhiệt huyết, đoàn kết, hỗ trợ nhau trong công việc.
- Thiết bị, công nghệ được đầu tư đổi mới và nâng cấp đảm bảo đủ nguồn cung nước sạch và sản phẩm đạt chất lượng.
- Các nhà máy sản xuất nước hoạt động ổn định; chất lượng nước sạch đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định của Bộ y tế.
- Sự phát triển nhanh của các chung cư, khu đô thị, khu công nghiệp làm tăng nhu cầu sử dụng nước.
- Là năm thời tiết thuận lợi cho hoạt động sản xuất và tiêu thụ nước sạch.
- Công ty đẩy mạnh việc khuyến khích người dân sử dụng nguồn nước sạch thay cho các nguồn nước khác để đảm bảo sức khỏe cho người dân.

b. Khó khăn:

- Công ty có địa bàn cấp nước rộng, số lượng khách hàng phân tán trải rộng khắp trên toàn tỉnh, các trạm cấp nước ở cách xa trụ sở chính Công ty nên công tác quản lý và điều hành gặp nhiều khó khăn.
- Vào mùa mưa bão, nước thô đầu vào có độ đục rất cao nên phải tiêu tốn nhiều hóa chất để xử lý nước; nguồn điện cung cấp cho sản xuất nước không liên tục làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Hệ thống đường ống cấp nước của Công ty phần lớn đã đầu tư lâu năm nay đã xuống cấp, hư hỏng nhiều là một trong những nguyên nhân gây ra tình trạng thất thoát nước; Việc đầu tư nâng cấp, cải tạo và thay thế đòi hỏi chi phí lớn và thời gian dài trong khi đó nguồn vốn của Công ty đang còn rất hạn hẹp.
- + Giá nước thô mua vào ở Nhà máy Hưng Vĩnh và Cầu Bạch với giá cao dẫn đến chi phí sản xuất cao (giá thành cao) nhưng giá bán nước sạch không được tăng để phù hợp với chi phí nước thô.

- Chi phí cho công tác đầu nối phát triển khách hàng mới, thay thế đồng hồ miễn phí rất lớn.

- Khách hàng phát triển mới chưa có thói quen sử dụng nước máy nên sản lượng tiêu thụ tăng không tương ứng với số lượng đồng hồ lắp mới, tiêu tốn chi phí lắp mới miễn phí nhưng không đưa lại doanh thu; số lượng đồng hồ có khối lượng tiêu thụ 0m³ chiếm tỷ lệ cao ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư kinh doanh.

- Các đơn vị xây dựng công trình hạ tầng ngầm nhưng thiếu điều tra xác định ban đầu đã làm hư hỏng mạng đường ống cấp nước dẫn đến gây thất thoát nước.

- Lực lượng lao động của Công ty đang còn dôi dư nhiều trong khi công ty chưa đủ điều kiện để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh tạo thêm việc làm cho người lao động.

- Công tác quản lý, điều hành hoạt động toàn Công ty chưa có nhiều chuyển biến, đặc biệt: hoạt động sản xuất nước sạch ở các Xí nghiệp/trạm cấp nước chưa có thay đổi trong quản lý và công nghệ; công tác quản lý, chăm sóc khách hàng và ghi, thu tiền sử dụng nước đang thực hiện thủ công.

2. Các chỉ tiêu đạt được

TT	Chỉ tiêu	Đ/ vị tính	Năm 2019		Tỷ lệ % (TH/KH)
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	25.112.700	25.738.144	102,49
2	Lắp đặt phát triển khách hàng mới	Hộ	6.281	5.507	87,68
3	Cải tạo, thay thế, nâng chuyển đồng hồ	Hộ		5.436	100,00
4	Lắp đặt mới, bổ sung mạng đường ống cấp 1,2	m	3.830	3.725	97,25
5	Hoàn thành lắp đặt DMA	DMA	9	7	77,78
6	Tổng doanh thu	tr.đồng	244.144,481	259.012,700	106,09
6.1	Doanh thu nước sạch	tr.đồng	242.144,481	248.532,963	102,64
6.2	Doanh thu khác	tr.đồng	2.000,000	10.479,737	523,99
7	Tổng chi phí	tr.đồng	243.501,790	258.206,687	106,04
8	Lợi nhuận trước thuế	tr.đồng	642,691	806,013	125,41
9	Lợi nhuận sau thuế	tr.đồng	514,153	768,711	149,51
10	Nộp ngân sách	tr.đồng	13.755	13.336	96,95
11	Trả nợ vay	tr.đồng	40.936	40.936	100,00

12	Lãi tức cơ bản tính cho 1 cổ phần	đồng	13,75	20,56	149,51
13	Nhân sự (tính đến ngày 31/12/2019)	người		493	

3. Đánh giá hoạt động của bộ máy điều hành, các phòng và đơn vị sản xuất.

- Bộ máy điều hành Công ty gồm Tổng Giám đốc; 02 phó Tổng Giám đốc (01 phó tổng giám đốc phụ trách kỹ thuật; 01 phó tổng giám đốc phụ trách kinh doanh và 10 Trạm cấp nước) và trợ lý Tổng giám đốc.

- Các phòng gồm: Phòng Kế hoạch, Kế toán, Tổ chức- hành chính, Kỹ thuật, Kinh doanh.

- Các đơn vị trực thuộc gồm: Xí nghiệp sản xuất nước, Xí nghiệp xây lắp chống thất thoát, Xí nghiệp dịch vụ cấp nước thành phố Vinh, và 10 Trạm cấp nước (Anh Sơn, Con Công, Đô Lương, Quỳ Châu, Tân Kỳ, Quỳ Hợp, Kỳ Sơn, Tương Dương, Thanh Chương, Nam Đàn.)

3.1. Bộ máy điều hành.

- Đoàn kết; có sự thống nhất cao, trong công tác điều hành và chỉ đạo sản xuất; hỗ trợ phối hợp với nhau để thực hiện nhiệm vụ chung của Công ty.

3.2. Các phòng, xí nghiệp.

Năm 2019, là năm tái cơ cấu bố trí các phòng, xí nghiệp; thay đổi quy chế làm việc, quy chế tài chính đồng thời có sự thay đổi về bộ máy lãnh đạo Công ty và quản lý các phòng, xí nghiệp, Các trạm cấp nước. Do bước đầu chuyển đổi nên người lao động còn nhiều bỡ ngỡ, chưa quen với cách thức làm việc mới nên công việc được giao chỉ dừng ở mức độ hoàn thành nhiệm vụ, vẫn còn thụ động và phụ thuộc vào nhiệm vụ được Tổng Giám đốc đề ra. Trong công tác tham mưu cho Tổng Giám đốc, các phòng, xí nghiệp làm việc chưa thực sự hiệu quả. Cụ thể:

a. Phòng kỹ thuật:

Công ty đã bố trí cán bộ kỹ thuật bám sát sản xuất tại các nhà máy, các trạm cấp nước và mạng đường ống cấp nước để kịp thời cấp nước đầy đủ cho khách hàng. Tuy nhiên do năng lực chuyên môn còn hạn chế, chưa có tính chủ động trong việc lập kế hoạch bảo trì bảo dưỡng định kỳ cho dây chuyền sản xuất, chưa có tính chủ động trong việc khắc phục các sự cố trên mạng lưới cấp nước vì vậy phòng Kỹ thuật trong năm 2019 chưa đáp ứng được nhu cầu công việc cũng như yêu cầu từ ban lãnh đạo Công ty.

b. Phòng Kế hoạch:

Cán bộ quản lý phòng là cán bộ kiêm nhiệm công việc, thời gian bám sát công việc không nhiều, đồng thời các trưởng bộ phận là cán bộ trẻ, năng lực hạn chế, chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc xử lý các tình huống phát sinh. Chưa có tính chủ động trong công việc, dẫn đến nhiệm vụ ở phòng này thường xuyên hoàn thành không đúng tiến độ và có một số nhiệm vụ không hoàn thành.

c. Phòng Kế toán:

Trong năm tài chính 2019, Công ty ban hành và áp dụng quy chế làm việc và quy chế tài chính mới cho toàn Công ty, tập trung chủ yếu thay đổi ở phòng Kế toán, bên

cạnh đó bộ phận quản lý của phòng Kế toán có thay đổi, trưởng phòng là cán bộ mới được tiếp nhận nên việc nắm bắt công việc của phòng chưa sát với tình hình thực tế, các nhân viên kế toán chưa có tính chủ động trong công việc và chưa quen với Quy chế tài chính nên nhiệm vụ ở phòng này chỉ dừng ở mức hoàn thành theo quy chế, chưa có tính tham mưu cho ban lãnh đạo Công ty.

d. Phòng Kinh doanh:

Cán bộ quản lý phòng chưa đáp ứng được nhu cầu công việc theo mô hình quản lý mới, nên cơ bản các nhiệm vụ được lãnh đạo Công ty giao đều không hoàn thành đúng yêu cầu.

e. Phòng TC- HC:

Chưa hoàn thành được vai trò trong công tác tuyển dụng, đào tạo lao động, chưa giám sát chặt chẽ tình hình thực hiện quy chế của các bộ phận, đặc biệt là tại các xí nghiệp và các trạm. Công tác vệ sinh an toàn lao động chỉ đảm bảo ở mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Các chế độ chính sách của người lao động được thực hiện đúng theo quy định và đảm bảo quyền lợi cho người lao động. Công tác tham mưu cho lãnh đạo Công ty chưa thực sự bám sát tình hình lao động thực tế và các quy định hiện hành.

f. Xí nghiệp dịch vụ:

Đây là bộ phận mới thành lập cuối năm 2018 và là bộ phận có nhiều nhân viên nhất trong công ty, địa bàn quản lý trải rộng. Cán bộ quản lý được bổ sung từ bộ máy lãnh đạo Công ty, có tinh thần trách nhiệm cao trong công tác điều hành quản lý, nên mặc dù gặp nhiều khó khăn, nhưng xí nghiệp dịch vụ vẫn cơ bản hoàn thành nhiệm vụ đặt ra.

g. Xí nghiệp xây lắp

Cán bộ quản lý mới được bổ nhiệm, chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác điều hành nên các công việc được lãnh đạo công ty giao chỉ mới ở mức hoàn thành, công tác xử lý các sự cố chưa được kịp thời và công tác tham mưu cho lãnh đạo công ty chưa có.

h. Xí nghiệp sản xuất nước

- Do Phó tổng giám đốc Công ty kiêm nhiệm quản lý và điều hành. Tuy nhiên trong quá trình điều hành vẫn còn ngại va chạm, dẫn đến ý thức làm việc của công nhân chưa có tính tự giác và chủ động trong công việc. Công nhân của xí nghiệp vẫn còn vi phạm quy chế (*như tự ý bỏ vị trí làm việc, ngủ trong giờ làm việc, làm việc riêng ...*), ý thức vệ sinh công nghiệp chưa cao.

- Công tác sản xuất:

+ Ổn định, chất lượng nước sạch đạt yêu cầu, tuy nhiên áp lực bơm ra mạng chưa đạt yêu cầu do công nhân vận hành bơm không thực hiện đúng quy trình dẫn đến thường xuyên thiếu áp lực nước vào giờ cao điểm và các dịp lễ Tết. Sau khi Công ty sử dụng phần mềm vận hành bơm đặt áp lực tự động theo áp lực nước đầu ra thì đã khắc phục được vấn đề này, đảm bảo cấp nước ổn định vào các giờ cao điểm và đảm bảo an toàn cho hệ thống bơm, đường ống.

+ Các thiết bị trong dây chuyền sản xuất hoạt động tốt, tuy nhiên chưa được quan tâm bảo dưỡng định kỳ, công nhân vận hành chưa chủ động theo dõi thiết bị, báo cáo các biểu hiện khác thường để khắc phục kịp thời, tổ cơ điện năng lực chuyên môn còn

hạn chế bên cạnh đó cán bộ kỹ thuật, trưởng ca chưa nắm bắt tình hình thực tế thiết bị dẫn đến thiết bị hoạt động không hiệu quả, hệ số an toàn thấp, khi xảy ra sự cố mất nhiều thời gian để khắc phục, gây ảnh hưởng tới sản xuất.

g. Các Trạm cấp nước

Các Trạm cấp nước đang hoạt động gần như độc lập, công tác chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát... của Công ty đối với các Trạm chưa hiệu quả, kết quả về tỷ lệ thất thoát ở các Trạm tăng giảm bất thường. Hiệu quả sản xuất ở các Trạm thấp, ngoài nguyên nhân do công tác quản lý chưa thực sự thay đổi, cán bộ quản lý Trạm chưa bám sát công việc, người lao động chưa có tinh tự giác với công việc. Còn nguyên nhân khác là do Công ty chưa thực sự quan tâm hỗ trợ nhiều cho các Trạm cấp nước, máy móc vật tư thiết bị ở các Trạm không được bảo dưỡng định kỳ, khắc phục sự cố chưa kịp thời dẫn đến ảnh hưởng đến sản xuất cấp nước.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

1- Nhiệm vụ chung của Công ty

1. Sản lượng nước tiêu thụ : 26.216.170m³
2. Doanh thu : 262.751.826.000 đồng. Trong đó:
 - + *Doanh thu nước sạch: 259.251.826.000 đồng.*
 - + *Doanh thu khác: 3.500.000.000 đồng*
3. Chống thất thoát: Hoàn thành lắp đặt và đưa vào sử dụng 12 khu vực phục vụ (DMA), với tỷ lệ thất thoát ở mỗi DMA là dưới 24%;
4. Lắp đặt mới mạng đường ống cấp 1, cấp 2 : 6.090 m.
5. Thay đổi công nghệ, nâng công suất Nhà máy nước Hưng Vĩnh, Hưng Nguyên và Nam Đàn.
6. Cải tạo, xây dựng trụ sở làm việc và nhà máy nước Hưng Vĩnh.
7. Xây dựng hệ thống cung cấp nước thô cho nhà máy nước Hưng Vĩnh và Cầu Bạch từ sông Lam (*vị trí trạm bơm tại xã Xã Hùng Tiến, huyện Nam Đàn*);
8. Xây dựng hệ thống cung cấp nước thô từ sông Lam cho trạm cấp nước Hưng Nguyên và nhà máy nước sạch các xã trên địa bàn huyện Hưng Nguyên (*vị trí trạm bơm tại xã Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên*).
9. Xây dựng trạm bơm cung cấp nước thô từ Sông Lam cho trạm cấp nước Nam Đàn; từ Sông Con cho trạm cấp nước Tân Kỳ.
10. Hoàn thành 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
11. Hoàn thành và đưa vào sử dụng phòng hóa nghiệm đạt tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2007 (*lắp đặt tại nhà máy nước Hưng Vĩnh*);
12. Hoàn thành và đưa vào sử dụng hệ thống cảnh báo và tự động điều khiển theo yêu cầu công nghệ trong sản xuất nước sạch ở nhà máy nước Hưng Vĩnh, Cầu Bạch và Hưng Nguyên.
13. Hoàn thành và đưa vào sử dụng các phần mềm: Phần mềm quản lý ghi, thu và khách hàng; phần mềm tổng đài tiếp nhận và xử lý thông tin; phần mềm lắp đặt mới và xử lý sự cố.
14. Hoàn thành và đưa vào sử dụng 12 Datalogger ở 12 DMA để phân tích khối lượng nước sử dụng và đưa ra cảnh báo khả năng xảy ra điểm chảy.

15. Hoàn thành hồ sơ dự án thay đổi nguồn nước và công nghệ ở trạm cấp nước huyện Anh Sơn.

2- Kế hoạch đầu tư trong năm 2020

2.1. Thay đổi công nghệ, nâng công suất Nhà máy nước Hưng Vĩnh và Cầu Bạch.

2.1.1. Nhà máy nước Hưng Vĩnh

- Thực hiện cải tạo, hoàn thiện hệ thống lắng (*sử dụng thiết bị lắng lamella*).
- Thực hiện cải tạo, nâng cấp 6 bể lọc ở hiện có phù hợp với công suất hệ thống lắng 60.000 m³/ngày đêm.
- Thực hiện một số công trình phụ trợ kèm theo phù hợp công suất hệ thống lắng, lọc (*bao gồm: hệ thống cung cấp hóa chất; hệ thống tự động hóa điều khiển công nghệ và kiểm soát chất lượng ...*)
- Tổng vốn đầu tư: 25,5 tỷ đồng
- Nguồn vốn: Vốn tự có.

2.1.2. Nhà máy nước Cầu Bạch.

- Cải tạo, nâng công suất hồ sơ lắng và trạm bơm cấp 1 để cung cấp nước thô cho Nhà máy nước Cầu Bạch và Hưng Vĩnh, công suất 170.000 m³/ngày đêm (*trong đó, Nhà máy Hưng Vĩnh, công suất 96.000 m³/ngày đêm; Nhà máy Cầu Bạch, công suất 70.000 m³/ngày đêm*). Thời gian thực hiện: sau năm 2020.
- Thực hiện cải tạo, nâng công suất xử lý nước (*sử dụng công nghệ Mỹ, thiết bị lắng lamella*) từ công suất 20.000m³/ngày đêm lên 30.000m³/ngày đêm.
- Xây mới cụm xử lý nước (*sử dụng công nghệ Mỹ, thiết bị lắng lamella*), công suất 40.000 m³/ngày đêm. Thời gian thực hiện: sau năm 2020.
- Tổng vốn đầu tư: 75,5 tỷ đồng (*trong đó, xây mới cụm xử lý nước 50,0 tỷ đồng; cải tạo, nâng công suất hồ sơ lắng 15 tỷ đồng*)
- Nguồn vốn: Vốn tự có 50%; vốn vay 50%.
- Thời gian thực hiện: Từ năm 2020 và 2022

2.2. Xây dựng hệ thống cung cấp nước thô cho Nhà máy nước Hưng Vĩnh và Cầu Bạch từ Sông Lam, công suất 275.000 m³/ngày đêm.

- Địa điểm xây dựng trạm bơm: xã Hùng Tiến huyện Nam Đàn.
- Công suất trạm bơm 275.000 m³/ngày đêm; chiều dài tuyến ống 12.200 m.
- Tổng mức đầu tư: 187,500 tỷ đồng
- Nguồn vốn: Vốn tự có 50%; vốn vay 50%.

2.3. Đầu tư mạng đường ống cấp nước sạch.

2.3.1. Kế hoạch xây lắp các DMA.

- Số lượng DMA hoàn thành đưa vào sử dụng: 12 DMA.
- Tổng vốn đầu tư: 18,92 tỷ đồng
- Nguồn vốn: Vốn tự có.

2.3.2. Lắp đặt mới mạng đường ống cấp 1 và cấp 2.

- Chiều dài mạng đường ống (*không bao gồm đường ống nước thô*): 6.090 mét
- Tổng vốn đầu tư: 32,77 tỷ đồng
- Nguồn vốn: Vốn tự có.

2.4 .Đầu tư cung cấp nước sạch cho các huyện.

2.4.1. Trạm cấp nước Nam Đàn.

- Xây dựng trạm bơm cung cấp nước thô từ Sông Lam cho Trạm cấp nước Nam Đàn, với các nội dung cơ bản:

+ Địa điểm xây dựng trạm bơm: Thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn (*cạnh vị trí trạm bơm cũ*).

+ Công suất trạm bơm 15.000 m³/ngày đêm.

- Thực hiện cải tạo, nâng công suất hệ thống lắng (*sử dụng thiết bị lắng lamella*) từ công suất 2.000m³/ngày đêm lên 5.000m³/ngày đêm.

- Thực hiện một số công trình phụ trợ kèm theo.

- Tổng vốn đầu tư: 8,0 tỷ đồng.

- Địa bàn phục vụ: 17 xã/thị trấn thuộc huyện Nam Đàn (*2 xã còn lại sử dụng nguồn nước sạch từ Nhà máy nước sạch Cầu Bạch*)

- Nguồn vốn: Vốn tự có.

2.4.2. Trạm cấp nước Tương Dương

- Xây dựng hệ thống cung cấp nước thô từ hồ thủy điện Khe Bó cho Trạm cấp nước Tương Dương, với các nội dung cơ bản:

+ Địa điểm xây dựng trạm bơm: thị trấn Tương Dương, huyện Tương Dương.

+ Công suất trạm bơm 10.000 m³/ngày đêm.

- Thực hiện cải tạo, nâng công suất xử lý nước (*sử dụng thiết bị lắng lamella*) từ công suất 800m³/ngày đêm lên 5.000m³/ngày đêm.

- Tổng vốn đầu tư: 7,5 tỷ đồng (*trong đó, chi phí đầu tư xây dựng hệ thống cung cấp nước thô 3,5 tỷ đồng*)

- Địa bàn phục vụ: toàn bộ 17 xã, thị trấn trên địa bàn huyện Tương Dương

- Nguồn vốn: Vốn tự có.

Ghi chú: Hiện tại Trạm cấp nước Tương Dương đang sử dụng nước Khe Chi xã Thạch Giám để làm nguồn nước thô sản xuất nước sạch.

2.4.3. Trạm cấp nước Hưng Nguyên

- Thực hiện xây dựng hệ thống cung cấp nước thô từ sông Lam cho Trạm cấp nước Hưng Nguyên và Nhà máy nước sạch các xã trên địa bàn huyện Hưng Nguyên, với các nội dung cơ bản:

+ Địa điểm xây dựng trạm bơm: xã Hưng Lĩnh huyện Hưng Nguyên.

- + Công suất trạm bơm 30.000 m³/ngày đêm; chiều dài tuyến ống 8.500 m.
- Thực hiện cải tạo, nâng công suất xử lý nước (*sử dụng thiết bị lắng lamella*) từ công suất 5.000m³/ngày đêm lên 20.000m³/ngày đêm.
- Thực hiện một số công trình phụ trợ kèm theo, đạt công suất 20.000 m³/ngày đêm (*hệ thống cung cấp hóa chất; hệ thống tự động hóa điều khiển công nghệ và kiểm soát chất lượng ...*)
- Tổng vốn đầu tư: 90,0 tỷ đồng (*trong đó, đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước thô từ Sông Lam 79,863 tỷ đồng*)
- Địa bàn phục vụ: toàn bộ 23 xã, thị trấn trên địa bàn huyện Hưng Nguyên (*bao gồm cả khu công nghiệp VSIP Nghệ An*)
- Nguồn vốn: Vốn tự có 50%; vốn vay 50%.

2.4.4. Trạm cấp nước Anh Sơn

- Xây dựng trạm bơm cung cấp nước thô từ Sông Lam cho Trạm cấp nước Anh Sơn, với các nội dung cơ bản:
 - + Địa điểm xây dựng trạm bơm: thị trấn Anh Sơn, huyện Anh Sơn.
 - + Công suất trạm bơm 10.000 m³/ngày đêm.
 - Thực hiện cải tạo, nâng công suất xử lý nước (*sử dụng thiết bị lắng lamella*) từ công suất 600m³/ngày đêm lên 5.000m³/ngày đêm.
 - Tổng vốn đầu tư: 8,5 tỷ đồng (*trong đó, chi phí đầu tư xây dựng hệ thống cung cấp nước thô 4,5 tỷ đồng*)
 - Địa bàn phục vụ: toàn bộ 21 xã, thị trấn trên địa bàn huyện Anh Sơn
 - Nguồn vốn: Vốn tự có.

Ghi chú: Hiện tại Trạm cấp nước Anh Sơn đang sử dụng nước ngầm để làm nguồn nước thô sản xuất nước sạch.

2.4.5. Trạm cấp nước Quỳnh Hợp

- Xây dựng trạm bơm cung cấp nước thô từ suối Nậm Chông cho Trạm cấp nước Quỳnh Hợp, với các nội dung cơ bản:
 - + Địa điểm xây dựng trạm bơm: bên bờ suối Nậm Chông (*một nhánh của sông Dinh thuộc xã Châu Đình, huyện Quỳnh Hợp, cách vị trí nhập nguồn sông Dinh khoảng 200m về phía thượng lưu*).
 - + Công suất trạm bơm 10.000 m³/ngày đêm; chiều dài tuyến ống 2.400 m
 - Thực hiện cải tạo, nâng công suất xử lý nước (*sử dụng thiết bị lắng lamella*) từ công suất 1.500m³/ngày đêm lên 5.000m³/ngày đêm.
 - Tổng vốn đầu tư: 14,5 tỷ đồng (*trong đó, chi phí đầu tư xây dựng hệ thống cung cấp nước thô 10,5 tỷ đồng*)
 - Địa bàn phục vụ: toàn bộ 21 xã, thị trấn trên địa bàn huyện Quỳnh Hợp
 - Nguồn vốn: Vốn tự có và vốn do các doanh nghiệp khai thác khoáng sản gây ô

nhiệm nguồn nước chi trả.

Ghi chú: Hiện tại Trạm cấp nước Quỳnh Hợp đang sử dụng nước suối Nậm Huống để làm nguồn nước thô sản xuất nước sạch. Sở Tài nguyên và môi trường đã có văn bản khuyến cáo nguồn nước này nhiễm kim loại nặng (nguyên nhân là do các doanh nghiệp khai thác khoáng sản gây ra)

2.5. Đầu tư một số công trình khác.

2.5.1. Cải tạo trụ sở làm việc Văn phòng Công ty

- Các hạng mục công trình: Cải tạo, xây mới trụ sở làm việc và các công trình phụ trợ khu vực Văn phòng Công ty.

- Tổng vốn đầu tư: 8,6 tỷ đồng.

- Nguồn vốn: Vốn tự có.

2.5.2. Cải tạo trụ sở làm việc Nhà máy nước Hưng Vĩnh

- Các hạng mục công trình: Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc cấp 4 và nhà .Làm việc 2 tầng hiện có; xây mới nhà xưởng cơ khí, hàng rào bảo vệ và các hạng mục phụ trợ khác.

- Tổng vốn đầu tư: 4,2 tỷ đồng

- Nguồn vốn: Vốn tự có.

III. KẾT LUẬN

Trên đây là Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020. Kính đề nghị các quý vị cổ đông công ty đóng góp ý kiến.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Lưu: VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Hoàng Văn Hải

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

Số: /BC-CTCN

(Dự thảo)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO TÓM TẮT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU BÁO CÁO	GHI CHÚ
A- TÀI SẢN	769,813,680,982	
I- TÀI SẢN NGẮN HẠN	189,372,745,910	
Trong đó:		
Công nợ phải thu	36,439,013,133	
- Công nợ khó đòi	14,569,555,064	
Dự phòng phải thu khó đòi	-14,569,555,064	
II-TÀI SẢN DÀI HẠN	580,440,935,072	
1, Nguyên giá TSCĐ	1,087,351,725,897	
Số đầu kỳ	1,082,051,982,990	
Số tăng trong kỳ	5,299,742,907	
Số giảm trong kỳ	0	
Số cuối kỳ	1,087,351,725,897	
2, Hao mòn TSCĐ	520,945,844,178	
Số đầu kỳ	460,270,051,208	
Số tăng trong kỳ	60,675,792,970	
Số giảm trong kỳ		
Số cuối kỳ	520,945,844,178	
3, Xây dựng cơ bản dở dang	13,324,244,212	
4, Đầu tư tài chính dài hạn		
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		
5. Tài sản dài hạn khác	510,809,141	
B-NGUỒN VỐN	769,813,680,982	
I. Nợ phải trả	395,777,384,598	
Trong đó:		
Nợ dài hạn	259,206,730,622	
Nợ ngắn hạn	136,570,653,976	



II. Nguồn vốn chủ sở hữu.	374,036,296,384	
1, Vốn góp của cổ đông	373,859,830,000	
Số đầu kỳ		
Số tăng trong kỳ		
Số cuối kỳ		
2, Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	176,466,384	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ trước	-592,245,115	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	768,711,499	
C-CÁC QUỸ		
1, Quỹ đầu tư phát triển		
Số đầu kỳ		
Số tăng trong kỳ		
Số cuối kỳ		
2, Quỹ dự phòng tài chính		
Số đầu kỳ		
Số tăng trong kỳ		
Số cuối kỳ		
3, Quỹ khen thưởng phúc lợi	376,393,772	
Số đầu kỳ	436,006,681	
Số tăng trong kỳ		
Số giảm trong kỳ	59,612,909	
Số cuối kỳ	376,393,772	
C- KẾT QUA SẢN XUẤT KINH DOANH		
1, Tổng doanh thu	259,012,700,297	
Doanh thu hoạt động kinh doanh	253,977,191,462	
Doanh thu hoạt động tài chính	4,477,175,403	
Các khoản thu nhập khác	558,333,432	
2, Chi phí	258,206,687,205	
Chi phí hoạt động kinh doanh	244,079,345,067	
Chi phí hoạt động tài chính	14,114,983,870	
Chi phí hoạt động khác	12,358,268	
3, Tổng lợi nhuận thực hiện	806,013,092	
Lợi nhuận hoạt động kinh doanh	9,897,846,395	
Lợi nhuận hoạt động tài chính	-9,637,808,467	
Lợi nhuận hoạt động khác	545,975,164	
4, Tổng lợi nhuận trước thuế	806,013,092	

5, Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	37,301,593	
6, Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	768,711,499	
D- QUAN HỆ VỚI NGÂN SÁCH		
1. Số tồn đọng ngân sách đầu kỳ	9,662,179,102	
2, Số phát sinh nộp ngân sách trong kỳ	9,443,916,020	
3, Số đã nộp ngân sách trong kỳ	13,336,359,984	
4, Số nợ ngân sách chuyển sang kỳ sau. Trong đó:	5,769,735,138	
Thuế GTGT	-1,591,989,562	
Thuế GTGT nhận nợ DAPC	6,905,413,327	
Thuế TNDN	-61,748,684	
Thuế đất tiền thuê đất	0	
Thuế khác (thuế tài nguyên, TNCN)	29,228,366	
Phí BVMT	488,831,691	
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH		
Khả năng thanh toán nhanh (lần)	1.19	(TSNH-HTK)/Nợ NH
Khả năng thanh toán hiện thời (lần)	1.39	TSNH/Nợ NH
Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu (%)	0.003	LNST/DT
Tỷ suất lợi nhuận/tổng tài sản (%)	0.001	LNST/TTS
Tỷ suất lợi nhuận/vốn góp cổ đông (%)	0.002	LNST/Vốn góp
Tỷ suất lợi nhuận trên một cổ phần (đồng)	20.56	LNST/số CP

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Ban TGĐ Công ty;
- Lưu: BKS.

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CP

CẤP NƯỚC

NGHỆ AN

TP. VINH - T. NGHỆ AN

Hoàng Văn Hải



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán Nhân Tâm Việt – Chi nhánh Hà Nội.

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An xin báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát và kết quả thực hiện giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh công tác quản trị của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc năm 2019 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Tình hình hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm qua, trên cơ sở nhiệm vụ được phân công các thành viên Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra, giám sát các hoạt động tài chính, Công tác quản lý điều hành của Công ty thông qua các hoạt động chủ yếu sau:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty; xem xét tính phù hợp các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý.
- Kiểm tra trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng và năm, đảm bảo tính trung thực trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán.
- Kiểm soát hoạt động thu, chi tài chính Công ty.
- Theo dõi và kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tham gia tất cả các phiên họp của Hội đồng quản trị.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm và tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc cũng như các phòng, đơn vị, xí nghiệp để Ban Kiểm soát hoàn thành hiện nhiệm vụ mà được Đại hội đồng cổ đông giao.

2. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát:

- Cuộc họp ngày 28/01/2019 về việc tổng kết đánh giá hoạt động Ban Kiểm soát, đánh giá công việc các thành viên thực hiện nhiệm vụ năm 2018, thông qua báo cáo hoạt động Ban Kiểm soát năm 2018 trình đại hội đồng cổ đông thường niên đồng thời triển khai công việc quý I năm 2019;

- Cuộc họp ngày 07/3/2019 bầu chức danh trưởng ban kiểm soát, phân công nhiệm vụ, triển khai kế hoạch hoạt động quý II/2019.

- Cuộc họp ngày 02/6/2019 Đánh giá kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm của ban kiểm soát đồng thời triển khai kế hoạch làm quý III năm 2019;

- Cuộc họp ngày 02/10/2019 triển khai kế hoạch làm việc IV năm 2019.

Ngoài các cuộc họp trực tiếp Ban Kiểm soát thường xuyên liên lạc trao đổi thông tin và đưa ra các giải pháp cụ thể trong việc thực hiện nhiệm vụ, nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CÔNG TY NĂM 2019:

1. Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019:

Ban kiểm soát đã giám sát công tác tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh, thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh năm 2019 của Công ty và thống nhất đánh giá như sau:

Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An đã phấn đấu cơ bản đạt các chỉ tiêu kế hoạch đã được ĐHCĐ thông qua, một số chỉ tiêu chính cụ thể:

TT	Chỉ tiêu	Đ/ vị tính	Năm 2019		Tỷ lệ % (TH/KH)
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	25.112.700	25.738.144	102,49
2	Lắp đặt phát triển khách hàng mới	Hộ	6.281	5.507	87,68
3	Cải tạo, thay thế, nâng hạ đồng hồ	Hộ		5.436	100,00
4	Lắp đặt mới, bổ sung mạng đường ống cấp 1,2	m	3.830	3.725	97,25
5	Hoàn thành lắp đặt DMA	DMA	9	7	77,78
6	Tổng doanh thu	tr.đồng	244.144,481	259.012,700	106,09
6.1	Doanh thu nước sạch	tr.đồng	242.144,481	248.532,963	102,64
6.2	Doanh thu khác	tr.đồng	2.000,000	10.479,737	523,99
7	Tổng chi phí	tr.đồng	243.501,790	258.206,687	106,04
8	Lợi nhuận trước thuế	tr.đồng	642,691	806,013	125,41
9	Lợi nhuận sau thuế	tr.đồng	514,153	768,711	149,51
10	Nộp ngân sách	tr.đồng	13.755	13.336	96,95
11	Trả nợ vay	tr.đồng	40.936	40.936	100,00
12	Lãi tức cơ bản tính cho 1 cổ phần	đồng	13,75	20,56	149,51

2. Thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty

- Báo cáo tài chính năm 2019 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả HĐSXKD, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh Báo cáo tài chính .

Ban Kiểm soát đã thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính năm 2019 kết thúc vào 31/12/2019 và nhận xét như sau:

- Báo cáo tài chính năm 2019 lập đúng quy định về biểu mẫu và thời gian.

- Hồ sơ sổ sách, chứng từ kế toán lập và lưu trữ đầy đủ, sắp xếp gọn gàng, dễ truy lục đáp ứng các yêu cầu của công tác kiểm tra kiểm soát.

Ban Kiểm soát thống nhất các nội dung báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty lập đã được Công ty kiểm toán nhận định là Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình của Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Về hoạt động đầu tư xây dựng đổi mới Công nghệ:

Trong năm, Công ty đã thực hiện một số dự án đầu tư lắp mới, cải tạo mạng lưới cấp nước sạch nâng cấp trang thiết bị, lắp mới với tổng số tiền đầu tư là 26,663,773,762 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi sáu tỷ, sáu trăm sáu ba triệu, bảy trăm bảy ba ngàn, bảy trăm sáu hai đồng*), trong đó:

- | | |
|---|--------------------|
| - Cải tạo, nâng công suất nhà máy nước: | 9.245.000.000 đồng |
| - Đầu tư lắp đặt các công trình : | 6.977.548.325 đồng |
| - Đầu tư cải tạo, thay thế đồng hồ: | 6.143.594.122 đồng |
| - Đầu tư các công trình XD CB, DMA: | 4.297.631.315 đồng |

4. Tiền lương và các chế độ, quyền lợi của người lao động:

Các chế độ, quyền lợi của người lao động trong Công ty được thực hiện đúng luật lao động và Thỏa ước Lao động tập thể Công ty; việc chi trả lương hàng tháng thực hiện đúng hạn; các chế độ thi đua khen thưởng cũng như các khoản phúc lợi được thực hiện đầy đủ, thu nhập của người lao động tăng hơn so với năm trước.

III. GIÁM SÁT CÔNG TÁC QUẢN TRỊ VÀ ĐIỀU HÀNH CÔNG TY:

1. Công tác quản trị của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị Công ty thực hiện đầy đủ chế độ họp định kỳ hàng tháng (và bất thường) tại trụ sở Công ty theo đúng quy định Điều lệ tổ chức.

- Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết và các Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của mình. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Thông qua các kỳ họp Hội đồng quản trị đã thực hiện quyền quản lý Công ty trên cơ sở xem xét thảo luận và biểu quyết thông qua các kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện cho Ban Tổng Giám đốc điều hành sản xuất kinh doanh kịp thời.

- Trong các phiên họp Hội đồng quản trị nói riêng và hoạt động của Hội đồng quản trị nói chung, các thành viên Hội đồng quản trị tham gia đầy đủ làm việc với tinh thần trách nhiệm chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Qua quá trình giám sát, ban Kiểm soát nhận thấy không có điều gì bất thường trong các hoạt động quản trị, điều hành của Hội đồng quản trị.

2. Công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc và bộ máy quản lý:

- Ban tổng giám đốc đã triển khai thực hiện đầy đủ các Quyết định, Nghị quyết của Hội đồng quản trị; Thực hiện nghiêm túc các quyền hạn và nhiệm vụ theo đúng Điều lệ Công ty và pháp luật quy định.

- Trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, định kỳ hàng tháng Ban Tổng giám đốc đã có các báo cáo về tình hình hoạt động trong tháng và kế hoạch, dự kiến của tháng tiếp theo báo cáo hội đồng quản trị.

- Về thực hiện chỉ tiêu kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh: Ban Tổng giám đốc cùng với cán bộ quản lý đã có nhiều nỗ lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Trong năm đã xây dựng các quy trình cải tiến phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh, đồng thời xây dựng và ban hành một số quy định, Quy chế làm việc, quy chế tài chính nhằm nâng cao hiệu quả Công tác quản lý trong tình hình đổi mới.

Tuy nhiên vẫn còn một số mặt còn tồn tại:

- Công tác chỉ đạo, điều hành đôi lúc chưa kịp thời và quyết liệt, chưa thực sự đi sâu đi sát, hiệu quả sản xuất kinh doanh chưa cao.

- Kế hoạch lắp đặt 09 DMA đưa vào sử dụng năm 2019 không hoàn thành.

- Công tác giảm thất thoát thất thu vẫn chưa hiệu quả, tỷ lệ thất thoát vẫn còn ở mức cao chưa đạt mức kỳ vọng.

IV. SỰ PHỐI HỢP GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG.

1. Quan hệ phối hợp giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và bộ máy quản lý.

- Trong năm 2019, Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và ban điều hành Công ty luôn có sự phối hợp trong hoạt động.

- Hội đồng quản trị, Ban điều hành cùng với sự phối hợp các phòng, đơn vị trong Công ty luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát tham gia giám sát công tác điều hành Công ty, kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư, xây dựng, cải tạo, công tác quản lý tài chính kế toán của Công ty và thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động.

- Thông qua kết quả kiểm tra giám sát: Ban Kiểm soát đã có ý kiến đóng góp, đề xuất, kiến nghị Hội đồng quản trị và ban điều hành Công ty đều xem xét và phúc đáp đầy đủ.

Nhìn chung, trong năm 2019 công tác phối hợp giữa Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và ban điều hành được thực hiện và tuân thủ theo đúng quy định hiện hành của pháp luật và điều lệ Công ty.

2. Quan hệ phối hợp giữa Ban Kiểm soát với cổ đông

- Ban Kiểm soát kịp thời phản hồi thông tin đến các cổ đông liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.

- Trong năm 2019 Ban Kiểm soát không nhận được khiếu nại nào của cổ đông bằng văn bản về hoạt động kinh doanh của Công ty, về điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

V. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ CỦA HĐQT:

- Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT trong năm 2019 Ban Kiểm soát nhận thấy không có điều gì bất thường trong các hoạt động và điều hành Công ty.

- Báo cáo hoạt động của HĐQT đã phản ánh đầy đủ, trung thực các hoạt động cũng như chỉ đạo điều hành hoạt động Công ty, các văn bản, Nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật doanh nghiệp và điều lệ của Công ty, nêu rõ những khó khăn tác động trong năm, những kết

quả đạt được đồng thời nêu rõ những vấn đề còn tồn tại và đưa ra những giải pháp thực hiện trong năm 2020. Ban kiểm soát thống nhất với Báo cáo đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm 2019 về các mặt của Công ty.

VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:

1 - Kết luận

- Tất cả các hoạt động của Công ty đều tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty, và các quy định khác của pháp luật.

- Mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng với nỗ lực và phối hợp chặt chẽ giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong quá trình chỉ đạo điều hành Công ty đã cơ bản hoàn thành một số chỉ tiêu kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019.

Đánh giá chung: Sản xuất kinh doanh trong năm ổn định có tăng trưởng nhưng hiệu quả chưa cao.

2 - Kiến nghị

Để Công ty hoàn thành các chỉ tiêu năm 2020 được Đại hội đồng Cổ đông thường niên biểu quyết thông qua, nhằm hạn chế những sai sót rủi ro trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; Ban Kiểm soát đưa ra một số kiến nghị cụ thể như sau:

- Không ngừng nâng cao công tác quản trị và điều hành, đảm bảo tạo điều kiện tối đa và phát huy năng lực của cán bộ điều hành để Công ty ngày càng phát triển, ổn định, vượt mức chỉ tiêu kế hoạch đặt ra.

- Quản lý tốt công tác tài chính, tiết kiệm chi phí, giám sát chặt chẽ chi phí sản xuất tránh gây thất thoát, lãng phí cho Công ty.

- Tìm kiếm thêm nguồn vốn từ các hình thức hợp tác đầu tư cho các dự án giảm thất thoát nước, mở rộng mạng lưới cấp nước trên địa bàn thành phố và các vùng lân cận

- Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban Kiểm soát theo đúng quy định trên nguyên tắc phòng ngừa hạn chế sai sót trong mọi hoạt động nhất là hoạt động tài chính.

- Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng và Công tác xã hội.

VII. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020:

- Ban Kiểm soát thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty.

- Ban Kiểm soát sẽ tập trung thực hiện các cuộc kiểm tra, kiểm soát liên quan đến các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính của Công ty.

- Giám sát HĐQT, Ban điều hành Công ty thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

- Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

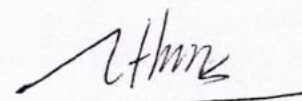
Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An năm 2019. Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông!

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Ban TGD Công ty;
- Lưu: BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Võ Thị Thìn

Số:/TTr-HĐQT

Nghệ An, ngày 29 tháng 3 năm 2020

TỜ TRÌNH 01

**Về việc phê duyệt quyết toán lương; thù lao HĐQT và BKS năm tài chính 2019
và Dự toán lương; thù lao của HĐQT và BKS năm tài chính 2020**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông công ty cổ phần cấp nước Nghệ An.

Để quyết toán chi phí lương, thù lao cho HĐQT và BKS trong năm tài chính 2019, đồng thời dự toán chi phí lương; thù lao cho HĐQT và BKS trong năm 2020. Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt mức lương, thù lao cho các thành viên HĐQT ; BKS trong năm 2019 và 2020 như sau:

CHỨC DANH	LƯƠNG CHUYÊN TRÁCH (đồng/tháng/người)		THÙ LAO KIỂM NHIỆM (đồng/tháng/người)	
	2019	2020	2019	2020
Chủ tịch HĐQT	10.000.000	10.000.000	-	-
Phó chủ tịch HĐQT	-	-	3.000.000	3.000.000
Thành viên HĐQT	-	-	2.500.000	2.500.000
Trưởng Ban kiểm soát	13.417.000, từ tháng 7/2019 hưởng 16.000.000	16.000.000	-	-
T. viên Ban kiểm soát	-	-	2.000.000	2.000.000

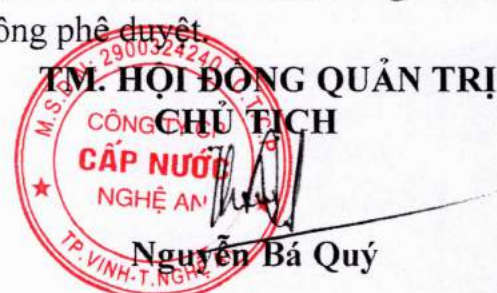
Đề nghị duyệt:

- Lương của Trưởng BKS là 16.000.000 đồng; thời gian được hưởng từ 01/7/2019 (bằng lương Trưởng phòng Kinh doanh).
- Chi phí tiền lương, thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát năm 2019: 447.919.000 đ
- Dự toán chi phí hoạt động cho HĐQT và BKS năm 2020: 626.000.000 đồng (Trong đó: Chi phí tiền lương, thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát năm 2020: 426.000.000 đ; Chi phí cho hoạt động của HĐQT và BKS năm 2020 dự kiến 200.000.000 đồng).

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ
- Lưu: VT, TC.



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:/TTr-HĐQT

Nghệ An, ngày 29 tháng 3 năm 2020

TỜ TRÌNH 02

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông công ty cổ phần cấp nước Nghệ An.

Theo quy định của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và nội dung Điều lệ Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An được Đại hội đồng cổ đông thông qua lần thứ 2 ngày 27/04/2018. Hàng năm Đại hội đồng cổ đông sẽ lựa chọn Công ty kiểm toán để kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty trong năm.

Trên cơ sở đánh giá năng lực kiểm toán của các đơn vị kiểm toán; Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông lựa chọn Công ty kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty năm 2020 là: Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY- ACA - chi nhánh miền trung. Phòng 1301 chung cư tháp đôi dầu khí, số 7 đường Quang Trung- TP Vinh- Nghệ An.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ
- Lưu: VT, TC.



TỜ TRÌNH 03

V/v Phê duyệt các mục tiêu chính của Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch đầu tư của Công ty trong thời gian tới.

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông công ty cổ phần cấp nước Nghệ An.

Hội đồng quản trị trình các mục tiêu chính kế hoạch sản xuất kinh doanh 2020 và kế hoạch đầu tư trong thời gian tới của Công ty để Đại hội đồng cổ đông thông qua như sau:

I - CÁC MỤC TIÊU KẾ HOẠCH THỰC HIỆN TRONG NĂM 2020.

1. Sản lượng nước tiêu thụ :26.216.170 m³
2. Doanh thu : 262.751.826.000 đồng. Trong đó:
 - + *Doanh thu nước sạch:* 259.251.826.000 đồng.
 - + *Doanh thu khác:* 3.500.000.000 đồng
3. Chống thất thoát: Hoàn thành lắp đặt và đưa vào sử dụng 12 khu vực phục vụ (DMA), với tỷ lệ thất thoát ở mỗi DMA là dưới 24%;
4. Lắp đặt mới mạng đường ống cấp 1, cấp 2 : 6.090 m.
5. Thay đổi công nghệ, nâng công suất Nhà máy nước Hưng Vĩnh, Hưng Nguyên và Nam Đàn.
6. Cải tạo, xây dựng trụ sở làm việc khu vực Công ty và nhà máy nước Hưng Vĩnh.
7. Xây dựng hệ thống cung cấp nước thô cho nhà máy nước Hưng Vĩnh và Cầu Bạch từ sông Lam (*vị trí trạm bơm tại xã Xã Hùng Tiến, huyện Nam Đàn*);
8. Xây dựng hệ thống cung cấp nước thô từ sông Lam cho trạm cấp nước Hưng Nguyên và nhà máy nước sạch các xã trên địa bàn huyện Hưng Nguyên (*vị trí trạm bơm tại xã Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên*).
9. Xây dựng trạm bơm cung cấp nước thô từ Sông Lam cho trạm cấp nước Nam Đàn; từ Sông Con cho trạm cấp nước Tân Kỳ.
10. Hoàn thành 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
11. Hoàn thành và đưa vào sử dụng phòng hóa nghiệm đạt tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2007 (*lắp đặt tại nhà máy nước Hưng Vĩnh*);
12. Hoàn thành và đưa vào sử dụng hệ thống cảnh báo và tự động điều khiển theo yêu cầu công nghệ trong sản xuất nước sạch ở nhà máy nước Hưng Vĩnh, Cầu Bạch và Hưng Nguyên.

13. Hoàn thành và đưa vào sử dụng các phần mềm: Phần mềm quản lý ghi, thu và khách hàng; phần mềm tổng đài tiếp nhận và xử lý thông tin; phần mềm lắp đặt mới và xử lý sự cố.

14. Hoàn thành và đưa vào sử dụng 12 Datalogger ở 12 DMA để phân tích khối lượng nước sử dụng và đưa ra cảnh báo khả năng xảy ra điểm chảy.

15. Hoàn thành hồ sơ dự án thay đổi nguồn nước và công nghệ ở trạm cấp nước huyện Anh Sơn.

II- CÁC PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ TRÌNH ĐHĐCĐ PHÊ DUYỆT.

I. ĐẦU TƯ CUNG CẤP NƯỚC SẠCH CHO TP.VINH VÀ VÙNG PHỤ CẬN.

1.1. Thay đổi công nghệ, nâng công suất Nhà máy nước Hưng Vĩnh và Cầu Bạch.

1.1.1. Nhà máy nước Hưng Vĩnh

- Thực hiện cải tạo, hoàn thiện hệ thống lắng (*sử dụng thiết bị lắng lamella*).
- Thực hiện cải tạo, nâng cấp 6 bể lọc ở hiện có phù hợp với công suất hệ thống lắng 60.000 m³/ngày đêm.
- Thực hiện một số công trình phụ trợ kèm theo phù hợp công suất hệ thống lắng, lọc (*bao gồm: hệ thống cung cấp hóa chất; hệ thống tự động hóa điều khiển công nghệ và kiểm soát chất lượng ...*)

- Tổng vốn đầu tư: 25,5 tỷ đồng

- Nguồn vốn: Vốn tự có.

1.1.2. Nhà máy nước Cầu Bạch.

- Cải tạo, nâng công suất hồ sơ lắng và trạm bơm cấp 1 để cung cấp nước thô cho Nhà máy nước Cầu Bạch và Hưng Vĩnh, công suất 170.000 m³/ngày đêm (*trong đó, Nhà máy Hưng Vĩnh, công suất 96.000 m³/ngày đêm; Nhà máy Cầu Bạch, công suất 70.000 m³/ngày đêm*). Thời gian thực hiện: sau năm 2020.

- Thực hiện cải tạo, nâng công suất xử lý nước (*sử dụng công nghệ Mỹ, thiết bị lắng lamella*) từ công suất 20.000m³/ngày đêm lên 30.000m³/ngày đêm.

- Xây mới cụm xử lý nước (*sử dụng công nghệ Mỹ, thiết bị lắng lamella*), công suất 40.000 m³/ngày đêm. Thời gian thực hiện: sau năm 2020.

- Tổng vốn đầu tư: 75,5 tỷ đồng (*trong đó, xây mới cụm xử lý nước 50,0 tỷ đồng; cải tạo, nâng công suất hồ sơ lắng 15 tỷ đồng*)

- Nguồn vốn: Vốn tự 50%; vốn vay 50%.

- Thời gian thực hiện: Từ năm 2020 và 2022

1.2. Xây dựng hệ thống cung cấp nước thô cho Nhà máy nước Hưng Vĩnh và Cầu Bạch từ Sông Lam, công suất 275.000 m³/ngày đêm.

- Địa điểm xây dựng trạm bơm: xã Hùng Tiến huyện Nam Đàn.

- Công suất trạm bơm 275.000 m³/ngày đêm; chiều dài tuyến ống 12.200 m.

- Tổng mức đầu tư: 187,500 tỷ đồng
- Nguồn vốn: Vốn tự có 50%; vốn vay 50%.

1.3. Đầu tư mạng đường ống cấp nước sạch.

3.1. Kế hoạch xây lắp các DMA.

- Số lượng DMA hoàn thành đưa vào sử dụng: 12 DMA.
- Tổng vốn đầu tư: 18,92 tỷ đồng
- Nguồn vốn: Vốn tự có.

3.2. Lắp đặt mới mạng đường ống cấp 1 và cấp 2.

- Chiều dài mạng đường ống (không bao gồm đường ống nước thô): 6.090 mét
- Tổng vốn đầu tư: 32,77 tỷ đồng
- Nguồn vốn: Vốn tự có.

II. ĐẦU TƯ CUNG CẤP NƯỚC SẠCH CHO CÁC HUYỆN

1. Trạm cấp nước Nam Đàn.

- Xây dựng trạm bơm cung cấp nước thô từ Sông Lam cho Trạm cấp nước Nam Đàn, với các nội dung cơ bản:

+ Địa điểm xây dựng trạm bơm: Thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn (cạnh vị trí trạm bơm cũ).

+ Công suất trạm bơm 15.000 m³/ngày đêm.

- Thực hiện cải tạo, nâng công suất hệ thống lắng (sử dụng thiết bị lắng lamella) từ công suất 2.000m³/ngày đêm lên 5.000m³/ngày đêm.

- Thực hiện một số công trình phụ trợ kèm theo.

- Tổng vốn đầu tư: 8,0 tỷ đồng

- Địa bàn phục vụ: 17 xã/thị trấn thuộc huyện Nam Đàn (2 xã còn lại sử dụng nguồn nước sạch từ Nhà máy nước sạch Cầu Bạch)

- Nguồn vốn: Vốn tự có.

2. Trạm cấp nước Tương Dương

- Xây dựng hệ thống cung cấp nước thô từ hồ thủy điện Khe Bó cho Trạm cấp nước Tương Dương, với các nội dung cơ bản:

+ Địa điểm xây dựng trạm bơm: thị trấn Tương Dương, huyện Tương Dương.

+ Công suất trạm bơm 10.000 m³/ngày đêm.

- Thực hiện cải tạo, nâng công suất xử lý nước (sử dụng thiết bị lắng lamella) từ công suất 800m³/ngày đêm lên 5.000m³/ngày đêm.

- Tổng vốn đầu tư: 7,5 tỷ đồng (trong đó, chi phí đầu tư xây dựng hệ thống cung cấp nước thô 3,5 tỷ đồng)

- Địa bàn phục vụ: toàn bộ 17 xã, thị trấn trên địa bàn huyện Tương Dương

- Nguồn vốn: Vốn tự có.

Ghi chú: Hiện tại Trạm cấp nước Tương Dương đang sử dụng nước Khe Chi xã Thạch Giám để làm nguồn nước thô sản xuất nước sạch.

3. Trạm cấp nước Hưng Nguyên

- Thực hiện xây dựng hệ thống cung cấp nước thô từ sông Lam cho Trạm cấp nước Hưng Nguyên và Nhà máy nước sạch các xã trên địa bàn huyện Hưng Nguyên, với các nội dung cơ bản:

+ Địa điểm xây dựng trạm bơm: xã Hưng Lĩnh huyện Hưng Nguyên.

+ Công suất trạm bơm 30.000 m³/ngày đêm; chiều dài tuyến ống 8.500 m.

- Thực hiện cải tạo, nâng công suất xử lý nước (*sử dụng thiết bị lắng lamella*) từ công suất 5.000m³/ngày đêm lên 20.000m³/ngày đêm.

- Thực hiện một số công trình phụ trợ kèm theo, đạt công suất 20.000 m³/ngày đêm (*hệ thống cung cấp hóa chất; hệ thống tự động hóa điều khiển công nghệ và kiểm soát chất lượng ...*)

- Tổng vốn đầu tư: 90,0 tỷ đồng (*trong đó, đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước thô từ Sông Lam 79,863 tỷ đồng*)

- Địa bàn phục vụ: toàn bộ 23 xã, thị trấn trên địa bàn huyện Hưng Nguyên (*bao gồm cả khu công nghiệp VSIP Nghệ An*)

- Nguồn vốn: Vốn tự có 50%; vốn vay 50%.

4. Trạm cấp nước Anh Sơn

- Xây dựng trạm bơm cung cấp nước thô từ Sông Lam cho Trạm cấp nước Anh Sơn, với các nội dung cơ bản:

+ Địa điểm xây dựng trạm bơm: thị trấn Anh Sơn, huyện Anh Sơn.

+ Công suất trạm bơm 10.000 m³/ngày đêm.

- Thực hiện cải tạo, nâng công suất xử lý nước (*sử dụng thiết bị lắng lamella*) từ công suất 600m³/ngày đêm lên 5.000m³/ngày đêm.

- Tổng vốn đầu tư: 8,5 tỷ đồng (*trong đó, chi phí đầu tư xây dựng hệ thống cung cấp nước thô 4,5 tỷ đồng*)

- Địa bàn phục vụ: toàn bộ 21 xã, thị trấn trên địa bàn huyện Anh Sơn

- Nguồn vốn: Vốn tự có.

Ghi chú: Hiện tại Trạm cấp nước Anh Sơn đang sử dụng nước ngầm để làm nguồn nước thô sản xuất nước sạch.

5. Trạm cấp nước Quỳnh Hợp

- Xây dựng trạm bơm cung cấp nước thô từ suối Nậm Chóng cho Trạm cấp nước Quỳnh Hợp, với các nội dung cơ bản:

+ Địa điểm xây dựng trạm bơm: bên bờ suối Nậm Chóng (*một nhánh của sông Dinh thuộc xã Châu Đình, huyện Quỳnh Hợp, cách vị trí nhập nguồn sông Dinh khoảng 200m về phía thượng lưu*).

- + Công suất trạm bơm 10.000 m³/ngày đêm; chiều dài tuyến ống 2.400 m
- Thực hiện cải tạo, nâng công suất xử lý nước (sử dụng thiết bị lắng lamella) từ công suất 1.500m³/ngày đêm lên 5.000m³/ngày đêm.
- Tổng vốn đầu tư: 14,5 tỷ đồng (trong đó, chi phí đầu tư xây dựng hệ thống cung cấp nước thô 10,5 tỷ đồng)
- Địa bàn phục vụ: toàn bộ 21 xã, thị trấn trên địa bàn huyện Quỳnh Hợp
- Nguồn vốn: Vốn tự có và vốn do các doanh nghiệp khai thác khoáng sản gây ô nhiễm nguồn nước chi trả.

Ghi chú: Hiện tại Trạm cấp nước Quỳnh Hợp đang sử dụng nước suối Nậm Huống để làm nguồn nước thô sản xuất nước sạch. Sở Tài nguyên và môi trường đã có văn bản khuyến cáo nguồn nước này nhiễm kim loại nặng (nguyên nhân là do các doanh nghiệp khai thác khoáng sản gây ra)

III. ĐẦU TƯ MỘT SỐ CÔNG TRÌNH KHÁC

1. Cải tạo trụ sở làm việc Văn phòng Công ty

- Các hạng mục công trình: Cải tạo, xây mới trụ sở làm việc và các công trình phụ trợ khu vực Văn phòng Công ty.

- Tổng vốn đầu tư: 8,6 tỷ đồng
- Nguồn vốn: Vốn tự có.

2. Cải tạo trụ sở làm việc Nhà máy nước Hưng Vĩnh

- Các hạng mục công trình: Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc cấp 4 và nhà làm việc 2 tầng hiện có; xây mới nhà xưởng cơ khí, hàng rào bảo vệ và các hạng mục phụ trợ khác.

- Tổng vốn đầu tư: 4,2 tỷ đồng
- Nguồn vốn: Vốn tự có.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu: VT, TC.



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

Số:/TTr-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Nghệ An, ngày 29 tháng 3 năm 2020

TỜ TRÌNH 04

V/v: Phân chia lợi nhuận năm tài chính 2019.

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông công ty cổ phần cấp nước Nghệ An.

Kết thúc năm tài chính 2019, theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán thì lợi nhuận sau thuế của Công ty là 768,711 triệu đồng. Hội đồng quản trị thấy khoản lợi nhuận thu được trong năm là ít nên đề nghị Đại hội đồng cổ đông không phân chia khoản lợi nhuận này về các quỹ. HĐQT đề nghị dùng khoản lợi nhuận này bổ sung vào quỹ phát triển sản xuất của Công ty.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt nội dung Tờ trình.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ
- Lưu: VT, TC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Bá Quý

**QUY CHẾ CUỘC HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng:

1. Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An (sau đây gọi tắt là “Công ty”)
2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Cuộc họp, điều kiện, thủ tục tiến hành Cuộc họp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng:

Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại quy chế này.

CHƯƠNG II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA CUỘC HỌP

Điều 3. Thành phần tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba năm 2019:

Toàn bộ cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty trong danh sách cổ đông tại ngày chốt quyền tham dự Cuộc họp.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông:

1. Quyền của các cổ đông khi tham dự Đại hội:

1.1. Tất cả các cổ đông của công ty đều có quyền tham dự và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

1.2. Trường hợp không thể tham dự Đại hội, cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình. Việc ủy quyền này phải được lập thành văn bản theo mẫu đính kèm theo Thư mời họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty; Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ 3.

1.3. Ngoài các tài liệu được gửi kèm theo Thông báo mời họp và các tài liệu phát trong Cuộc họp, mỗi cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông còn được phát Phiếu biểu quyết, có ghi mã số cổ đông cùng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó nắm giữ hoặc được ủy quyền. Phiếu biểu quyết: dùng để biểu quyết thông qua các Nội dung được trình bày tại Cuộc họp.

1.4. Cổ đông đến dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Cuộc họp, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Cuộc họp để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng.

2. Nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự Cuộc họp:

2.1. Trang phục của cổ đông đến tham dự cuộc họp: Nữ áo dài truyền thống, Nam áo sơ mi trắng quần tối màu;

2.2. Tham gia đầy đủ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Công ty. Trường hợp không đi được phải thực hiện ủy quyền cho người đại diện tham gia theo đúng quy định;

2.3. Các cổ đông hay đại diện cổ đông tới tham dự cuộc họp phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự cuộc họp với Ban tổ chức;

2.4. Tuân thủ các điều kiện và thể thức quy định tại Quy chế này;

Nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tôn trọng kết quả làm việc tại Cuộc họp.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Cuộc họp:

1. Chủ tọa là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An, giữ vai trò là người chủ trì Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Chủ tọa Cuộc họp có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Điều khiển Cuộc họp thực hiện chương trình làm việc một cách hợp lệ, có trật tự;

b) Khi có những sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Cuộc họp, Chủ tọa sẽ bàn bạc với những thành viên khác trong HĐQT để tìm ra cách thức giải quyết. Tuy nhiên, trong trường hợp có nhiều ý kiến khác nhau, ý kiến nào có sự ủng hộ của Chủ tọa sẽ mang tính quyết định;

c) Có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

d) Có quyền trì hoãn Cuộc họp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Cuộc họp, nếu nhận thấy rằng:

- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

- Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

- Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của cuộc họp được tiến hành một cách hợp lệ. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Thư ký Cuộc họp:

1. Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có 2 người do Chủ tọa chỉ định, có nhiệm vụ hỗ trợ Chủ tọa điều hành Cuộc họp được thành công, ghi nhận và lập biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác và đầy đủ của Biên bản và Nghị quyết Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ .

3. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tọa phân công trong thời gian Cuộc họp tạm nghỉ.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và Ban Kiểm phiếu:

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông do HĐQT thành lập, có trách nhiệm:

a) Lập danh sách cổ đông tham dự Cuộc họp và niêm yết tại nơi diễn ra Cuộc họp.

b) Thu và kiểm tra các giấy mời họp, giấy ủy quyền tham dự Cuộc họp.

- c) Kiểm tra cổ đông dự có đầy đủ và đúng thành phần không.
- d) Lập báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông để đọc trước Cuộc họp.
- e) Phát tài liệu họp và phiếu biểu quyết cho các cổ đông trước khi vào hội trường.

2. Ban Kiểm phiếu do HĐQT đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban Kiểm phiếu có 03 thành viên do Ban chủ tọa giới thiệu để cổ đông bầu trong số những cổ đông tham dự Cuộc họp. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm hướng dẫn thể lệ bầu cử, kiểm tra giám sát việc biểu quyết, tổ chức kiểm phiếu, lập Biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu trước cuộc họp, sau đó nộp Biên bản cho Chủ tọa đại hội.

Ban Kiểm phiếu phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của kết quả kiểm phiếu.

CHƯƠNG III

TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH CUỘC HỌP

Điều 8. Điều kiện tiến hành Cuộc họp :

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách cổ đông mời họp khi quyết định triệu tập Cuộc họp.

Điều 9. Cách thức tiến hành Cuộc họp.

1. Cuộc họp sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình Cuộc họp đồng cổ đông.

2. Trình tự tiến hành Đại hội được quy định chi tiết, cụ thể tại Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ ba năm 2020.

Điều 10. Thông qua Quyết định của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ tư.

1- Các Tờ trình, Biên bản, Nghị quyết của cuộc họp ĐHCĐ phải được số cổ đông hoặc đại diện cổ đông sở hữu từ 51% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền có mặt tại Cuộc họp chấp thuận, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2- Các vấn đề liên quan đến thủ tục tổ chức, điều hành Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: quyết định của Chủ tọa đại hội là quyết định cuối cùng và các cổ đông tham dự đều phải tuân theo.

Điều 11. Xử lý trường hợp tổ chức đại hội đồng cổ đông không thành

1- Trường hợp trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp mà không có đủ số lượng đại biểu cổ đông cần thiết quy định tại Điều 8 quy chế này thì Cuộc họp phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày tổ chức cuộc họp đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất không thành.

2- Trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại (Cuộc họp lần thứ 2) cần có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% số quyền biểu quyết của Công ty. Trường hợp Cuộc họp lần thứ 2 không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp thì phải triệu tập Cuộc họp lần thứ 3 trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành Cuộc họp lần 2.

3- Trong Cuộc họp lần thứ 3 bất kỳ số lượng cổ đông nào tham dự cũng đều hợp lệ và đều có quyền quyết định tất cả các vấn đề của cuộc họp đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 12. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ tư năm 2020:

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ tư của Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An phải được Thư ký Cuộc họp lập thành biên bản. Biên bản cuộc họp được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ vào sổ biên bản của công ty.

CHƯƠNG IV

CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 13. Một số quy định khác:

1. Cổ đông tham dự Cuộc họp khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa cuộc họp. Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Cuộc họp đã được thông qua. Chủ tọa Cuộc họp sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông;
2. Cổ đông sẽ bị Chủ tọa cuộc họp truất quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khi cổ đông không chấp hành các quy định của Cuộc họp, có hành vi gây rối, làm mất trật tự hoặc có hành động gây ảnh hưởng trực tiếp đến công tác điều hành Cuộc họp.

CHƯƠNG VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Hiệu lực của Quy chế :

Quy chế này bao gồm 6 chương, 14 điều, được Đại hội cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An áp dụng cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ tư của Công ty diễn ra vào ngày 29 tháng 3 năm 2020 và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu: VT, TC.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Nguyễn Bá Quý

“DỰ THẢO”

NGUYÊN TẮC, THỂ LỆ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

I. Nguyên tắc biểu quyết:

- Đúng quy định của pháp luật và chính xác.
- Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông biểu quyết bằng cách giơ phiếu biểu quyết hoặc bỏ phiếu bầu cử theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Trường hợp biểu quyết thông qua Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu, Nội dung chương trình cuộc họp và các Tờ trình liên quan sẽ được biểu quyết bằng hình thức giơ phiếu tại Cuộc họp.
- Mỗi cổ đông có số quyền biểu quyết được tính dựa trên số cổ phần mà người đó sở hữu và đại diện sở hữu do được ủy quyền theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13.
- Phiếu biểu quyết chỉ có giá trị nếu phiếu đó hợp lệ theo quy định.
- Kết quả biểu quyết được tính theo tỷ lệ phần trăm giữa tổng số biểu quyết của các phiếu biểu quyết hợp lệ trên tổng số cổ phần của tất cả các cổ đông dự họp.

II. Thể lệ biểu quyết:

1- Quy định chung.

- Biểu quyết thông qua các Nội dung báo cáo, Nghị quyết của cuộc họp cổ đông lần thứ tư, năm 2020 được tiến hành công khai, trực tiếp theo sự điều hành của Chủ tọa Cuộc họp và chỉ sử dụng các phiếu biểu quyết do Ban tổ chức Cuộc họp phát hành.
- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông (sau đây gọi tắt là cổ đông) tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền biểu quyết sẽ được phát 01 Phiếu biểu quyết để Biểu quyết thông qua các nội dung được trình bày tại Cuộc họp.

2- Cách thức biểu quyết và bầu cử.

- Đối với Phiếu biểu quyết: Cổ đông sẽ biểu quyết các vấn đề nêu ra tại cuộc họp bằng hình thức giơ phiếu biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

Trong đó:

3. Tổng hợp kết quả.

- Trưởng ban kiểm phiếu có trách nhiệm thông báo kết quả biểu quyết cho Đại hội đối với từng vấn đề biểu quyết.

- Kết quả biểu quyết phải được ghi vào Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

III. Thông qua kết quả biểu quyết.

1- Các Nghị quyết, Quyết định, ~~Tờ trình~~ của Cuộc họp chỉ có giá trị khi có số cổ đông sở hữu và đại diện sở hữu từ 51% trở lên tổng số quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

2- Đối với các Quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ sẽ chỉ được thông qua khi có số cổ đông sở hữu và đại diện sở hữu từ 65% trở lên tổng số quyền biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

3- Các vấn đề liên quan đến thủ tục tổ chức, điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: quyết định của chủ tọa là quyết định cuối cùng và các cổ đông tham dự đều phải tuân theo.

IV. Hiệu lực

Nguyên tắc, Thẻ lệ biểu quyết và phát biểu có hiệu lực ngay khi đã thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ tư, năm 2020 của Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu: VT, TC.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Nguyễn Bá Quý

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 01/NQ-ĐHĐCĐ

Nghệ An, ngày 29 tháng 3 năm 2020

“DỰ THẢO”

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG LẦN THỨ BA
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN
Năm tài chính 2019**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 30/12/2016.

Căn cứ Quyết định 51/2014/QĐ-TTg ngày 15 tháng 09 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ quy định một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hóa;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP.

Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP và Thông tư số 95/2017/TT-BTC hướng dẫn thực hiện về quản trị công ty.

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông lần tư số 01/2020/BB-ĐHĐCĐ của Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An ngày 29/3/2020.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua thành phần các ban: Kiểm tra tư cách cổ đông; Thư ký cuộc họp và Kiểm phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý :.....% số quyền biểu quyết tham dự cuộc họp.

Tỷ lệ biểu quyết không đồng ý :.....% số quyền biểu quyết tham dự cuộc họp.

Tỷ lệ biểu quyết có ý kiến khác :.....% số quyền biểu quyết tham dự cuộc họp.

Điều 2: Thông qua Quy chế cuộc họp, nguyên tắc thể lệ biểu quyết.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý :.....% số quyền biểu quyết tham dự cuộc họp.

Tỷ lệ biểu quyết không đồng ý :.....% số quyền biểu quyết tham dự cuộc họp.

Tỷ lệ biểu quyết có ý kiến khác :.....% số quyền biểu quyết tham dự cuộc họp.

Điều 3: Thông qua nội dung các báo cáo:

1- Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2019.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý :.....% số quyền biểu quyết tham dự cuộc họp.

Tỷ lệ biểu quyết không đồng ý :.....% số quyền biểu quyết tham dự cuộc họp.

Tỷ lệ biểu quyết có ý kiến khác :.....% số quyền biểu quyết tham dự cuộc họp.

2- Báo cáo của Tổng giám đốc năm 2019.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý :.....% số quyền biểu quyết tham dự cuộc họp.
 Tỷ lệ biểu quyết không đồng ý :.....% số quyền biểu quyết tham dự cuộc họp.
 Tỷ lệ biểu quyết có ý kiến khác :.....% số quyền biểu quyết tham dự cuộc họp.

3- Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2019.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý :.....% số quyền biểu quyết tham dự cuộc họp.
 Tỷ lệ biểu quyết không đồng ý :.....% số quyền biểu quyết tham dự cuộc họp.
 Tỷ lệ biểu quyết có ý kiến khác :.....% số quyền biểu quyết tham dự cuộc họp.

4- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý :.....% số quyền biểu quyết tham dự cuộc họp.
 Tỷ lệ biểu quyết không đồng ý :.....% số quyền biểu quyết tham dự cuộc họp.
 Tỷ lệ biểu quyết có ý kiến khác :.....% số quyền biểu quyết tham dự cuộc họp.

Điều 4: Thông qua nội dung Tờ trình 01 về việc quyết toán tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2019 và dự toán tiền lương, thù lao HĐQT và BKS năm 2020:

CHỨC DANH	LƯƠNG CHUYÊN TRÁCH (đồng/tháng/người)		THÙ LAO KIỂM NHIỆM (đồng/tháng/người)	
	2019	2020	2019	2020
Chủ tịch HĐQT	10.000.000	10.000.000	-	-
Phó chủ tịch HĐQT	-	-	3.000.000	3.000.000
Thành viên HĐQT	-	-	2.500.000	2.500.000
Trưởng Ban kiểm soát	13.417.000, Từ tháng 7/2019 là 16.000.000 đ/tháng	16.000.000	-	-
T. viên Ban kiểm soát	-	-	2.000.000	2.000.000

- Lương của Trưởng BKS là 16.000.000 đồng; thời gian được hưởng từ 01/7/2019 (bằng lương Trưởng phòng Kinh doanh).

- Chi phí tiền lương, thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát năm 2019: 447.919.000 đ

- Dự toán chi phí hoạt động cho HĐQT và BKS năm 2020: 626.000.000 đồng (Trong đó: Chi phí tiền lương, thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát năm 2020: 426.000.000 đ; Chi phí cho hoạt động của HĐQT và BKS năm 2020 dự kiến 200.000.000 đồng).

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý :.....% số quyền biểu quyết tham dự cuộc họp.
 Tỷ lệ biểu quyết không đồng ý :.....% số quyền biểu quyết tham dự cuộc họp.
 Tỷ lệ biểu quyết có ý kiến khác :.....% số quyền biểu quyết tham dự cuộc họp.

Điều 5: Thông qua Tờ trình số 02 về lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2020 là Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY- ACA - chi nhánh miền trung. Phòng 1301 chung cư tháp đôi dầu khí, số 7 đường Quang Trung- TP Vinh- Nghệ An.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý :.....% số quyền biểu quyết tham dự cuộc họp.
 Tỷ lệ biểu quyết không đồng ý :.....% số quyền biểu quyết tham dự cuộc họp.

Tỷ lệ biểu quyết có ý kiến khác :% số quyền biểu quyết tham dự cuộc họp.

Điều 6: Thông qua nội dung Tờ trình số 03 về Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch đầu tư trong thời gian tới của Công ty:

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý :% số quyền biểu quyết tham dự cuộc họp.

Tỷ lệ biểu quyết không đồng ý :% số quyền biểu quyết tham dự cuộc họp.

Tỷ lệ biểu quyết có ý kiến khác :% số quyền biểu quyết tham dự cuộc họp.

Điều 7: Thông qua nội dung Tờ trình số 04 về việc phân chia lợi nhuận năm tài chính 2019: Lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2019 là: 768,711 triệu đồng được bổ sung vào Quỹ phát triển sản xuất của Công ty.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý :% số quyền biểu quyết tham dự cuộc họp.

Tỷ lệ biểu quyết không đồng ý :% số quyền biểu quyết tham dự cuộc họp.

Tỷ lệ biểu quyết có ý kiến khác :% số quyền biểu quyết tham dự cuộc họp.

Điều 8: Điều khoản thi hành.

Trong quá trình triển khai thực hiện các nội dung trong việc thực hiện kế hoạch năm 2020 và Kế hoạch đầu tư của Công ty trong những năm tiếp theo nếu có những vấn đề quyết định thuộc quyền của đại hội đồng cổ đông thì Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT quyết định và chịu trách nhiệm về những quyết định đó.

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An đề nghị toàn thể các vị cổ đông và tập thể người lao động trong toàn Công ty phát huy những thành quả đã đạt được, nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, đoàn kết thống nhất, phát huy lao động sáng tạo, tự giác, động viên được mọi nguồn lực, vượt qua mọi khó khăn thử thách, phấn đấu hoàn thành xuất sắc kế hoạch SXKD năm tài chính 2020 và biến định hướng kế hoạch những năm tiếp theo thành hiện thực.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện các công việc được giao bởi đại hội đồng cổ đông trong Nghị quyết này nhằm đảm bảo lợi ích của cổ đông của Công ty và tuân thủ theo các quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An năm tài chính 2020 thông qua ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và có hiệu lực kể từ ngày 29/3/2020.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Ủy ban CK Nhà Nước;
- Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- Lưu VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Nguyễn Bá Quý

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 02../TB-HĐQT

Vinh, ngày 12 tháng 3 năm 2020

THÔNG BÁO MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Cuộc họp thường niên 2020

Kính gửi: Ông (Bà) :.....
Địa chỉ:

Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An có trụ sở chính ở số 32 – đường Phan Đăng Lưu – Phường Trường Thi – Thành phố Vinh – Tỉnh Nghệ An. Giấy phép kinh doanh số: 2900324240 do Phòng đăng ký kinh doanh- Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 5/1/2017.

Công ty tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 để đánh giá hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty trong năm tài chính thứ ba 2019, thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020, đồng thời thực hiện các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng kính mời: Ông (Bà) tới dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty.

Ngày họp Đại hội đồng cổ đông: Ngày 29 tháng 3 năm 2020.

Thời gian họp: Tiến hành trong một ngày, bắt đầu từ lúc 7h00.

Địa điểm họp: Hội trường tầng 2, Trụ sở Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An, số 32- đường Phan Đăng Lưu – Phường Trường Thi – Thành phố Vinh – Tỉnh Nghệ An.

Tại cuộc họp sẽ không trình bày lại nội dung tài liệu gửi kèm theo giấy mời họp, vì vậy kính đề nghị Ông (Bà) nghiên cứu kỹ tài liệu trước để có ý kiến bổ sung, chỉnh sửa tại cuộc họp.

Kính mong nhận được sự quan tâm tới dự của Quý cổ đông!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TC-HC,
- Lưu VT.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Bá Quý



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN DỰ HỌP

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An

Hôm nay, ngày tháng 3 năm 2019,

1. Tôi là:....., là cổ đông của Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An

- CMND số:.....cấp ngày:.....tại:.....

- Địa chỉ thường trú:.....

- Sở hữu số cổ phần là :.....

Bằng chữ :

Bằng giấy này, tôi ủy quyền cho:

2. Ông/Bà:Mã cổ đông: (nếu có)

- Chức vụ, đơn vị công tác:

- CMND số:.....cấp ngày:.....tại:.....

- Hộ khẩu thường trú:

Được đại diện cho tôi tham dự, biểu quyết và thực hiện các quyền khác của cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của **Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An**.

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi cam kết do người được ủy quyền nhân danh tôi thực hiện trong phạm vi ủy quyền nêu trên. Tôi công nhận đã hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình trong việc ủy quyền này.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ và tên)

NGƯỜI ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú: Cổ đông nhận ủy quyền khi đến dự Đại hội mang theo CMT còn thời hạn sử dụng.



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

PHIẾU BIỂU QUYẾT

Biểu quyết các nội dung của tờ trình

Số TT:

--	--	--

Họ và tên cổ đông:

Số cổ phần sở hữu:

Số cổ phần được ủy quyền (Nếu có):

Tổng số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu: